

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN THỊ ANH

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP
TRONG CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ
ĐIỀU KIỆN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ ANH

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP
TRONG CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ
ĐIỀU KIỆN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. TRẦN MINH ĐỨC**

HÀ NỘI, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Những thông tin trong luận văn đều đảm bảo tính chính xác, trung thực.

Tác giả luận văn

NGUYỄN THỊ ANH

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP TRONG CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	10
1.1. Khái niệm, đặc điểm của trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.....	10
1.2. Nội dung trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	17
1.3. Kinh nghiệm pháp luật của một số nước quy định về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.....	22
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	31
2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay.....	31
2.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về trình tự thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay.....	40
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP TRONG CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	59
3.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	59
3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh	

nghiep trong nganh, nghê kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay.....	61
3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghê kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay.....	63
KẾT LUẬN	70
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐKKD : Đăng ký kinh doanh

GTGT : Giá trị gia tăng

TNHH : Trách nhiệm hữu hạn

TTQGVĐKDN : Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, Việt Nam đang là thành viên của các tổ chức quốc tế như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, Diễn đàn hợp tác kinh tế Á- Âu, Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Tổ chức Thương mại Thế giới, thời gian tới Việt Nam sẽ tham gia nhiều liên minh, liên kết, hiệp định tự do hóa thương mại khác; tiến trình hội nhập quốc tế diễn ra ngày càng mạnh mẽ, sâu rộng. Dựa trên ý tưởng mang tính nguyên tắc trong quá trình phát triển “nội lực” phải tương thích với “ngoại lực” để tạo nên sức mạnh tổng hợp của Quốc gia, Nhà nước đã tiến hành cải cách hết sức mạnh mẽ, sâu rộng, khá toàn diện nhằm tạo ra hành lang pháp lý ngày càng tiến bộ, từ đó tạo lập môi trường kinh doanh thông thoáng và hiệu quả hơn tại Việt Nam. Trong đó, giảm bớt các thủ tục ĐKKD, là một vấn đề cấp thiết được Luật doanh nghiệp 2014 đề ra nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia trên trường quốc tế.

Ngày 26/11/2014, Quốc hội đã ban hành Luật doanh nghiệp năm 2014, với nhiều cải cách về thủ tục thành lập doanh nghiệp được chính thức áp dụng từ ngày 1/7/2015 thay thế cho Luật doanh nghiệp 2005 với nhiều đột phá trong thủ tục gia nhập thị trường cho nhà đầu tư.

Luật doanh nghiệp 2014 đã đề cập đến: Kinh doanh những gì mà pháp luật không cấm, bỏ ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chỉ sử dụng giấy phép con đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; rút ngắn thời gian đăng ký thành lập doanh nghiệp từ 10 ngày theo Luật doanh nghiệp 2005 và 5 ngày theo Nghị định số 43/2010/NĐ-CP1 xuống chỉ còn 03 ngày; kết nối liên thông giữa thủ tục đăng ký kinh doanh với đăng ký lao động, đây là bước tiến mới trong việc phối hợp liên ngành, đăng ký kinh doanh, đăng ký lao động và bảo hiểm xã hội; Doanh

nghiệp được tự quyết định về hình thức, số lượng, nội dung đăng ký con dấu. Vấn đề này đã tháo gỡ những hạn chế, bất cập của luật cũ, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp với xu hướng chung của thế giới.

Việc bỏ nội dung ngành, nghề kinh doanh; bỏ xác định vốn pháp định, bản sao chứng chỉ hành nghề trong Hồ sơ ĐKKD để thành lập doanh nghiệp đối với những ngành, nghề kinh doanh không nằm trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã giảm bớt phiền hà cho nhà đầu tư, đẩy nhanh việc cấp ĐKKD, phù hợp với định hướng “đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân, đồng thời đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho tất cả các ngành, nghề mà pháp luật không cấm theo quy định tại Hiến pháp 2013.

Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, Luật đầu tư quy định với 267 ngành, nghề tại Phụ lục IV, quy định này, đã giảm bớt 119 ngành, nghề so với luật cũ quy định, mới đây, *Luật sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1/1/2017 đã giảm xuống còn 243 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện*. Bên cạnh đó, trong thời gian kinh doanh, doanh nghiệp muốn thay đổi, hoặc đăng ký thêm ngành, nghề kinh doanh, thì chỉ cần gửi thông báo tới cơ quan ĐKKD để được cấp giấy chứng nhận ĐKKD mới.

Mặc dù, Luật doanh nghiệp 2014 đã có nhiều tiến bộ, có những khởi sắc mới trong việc cải cách trình tự, thủ tục ĐKKD nói chung và ĐKKD những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nói riêng nhưng vẫn tồn tại những bất cập, hạn chế như, số lượng ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam còn nhiều ngành, nghề không nhất thiết phải đưa vào ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Mặc dù đã sửa đổi nhưng với con số 243 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện vẫn được cho là quá nhiều so với các nước phát triển trong cùng khu vực mà Việt Nam đã ký kết các Hiệp định song phương. Chính điều này đã gây nhiều khó khăn cho giới đầu tư, làm ảnh hưởng tiêu cực đến việc

ĐKKD, ảnh hưởng trực tiếp đến việc cải cách thủ tục hành chính, ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh, mâu thuẫn với Hiến pháp là cá nhân, tổ chức có quyền tự do kinh doanh. Hơn thế nữa, điều kiện kinh doanh được thể hiện dưới nhiều hình thức phức tạp. Cụ thể: Yêu cầu xác định vốn pháp định, Chứng chỉ hành nghề, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ ĐKKD, ký quỹ, mua bảo hiểm trách nhiệm nghề, nghiệp cho hoạt động của doanh nghiệp; mặc dù đã quy định các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nhưng lại bắt các doanh nghiệp phải tuân theo pháp luật từng chuyên ngành khi thực hiện thủ tục ĐKKD. Bên cạnh đó, thực tiễn chỉ ra rằng, cùng với cơ chế thông thoáng thì cũng cần phải có sự quản lý chặt chẽ về mặt pháp lý, tăng cường chế tài xử phạt về hành vi gian lận trong đăng ký thành lập doanh nghiệp (theo chế tài hiện nay, việc xử phạt hành chính khi gian lận trong ĐKKD còn thấp; quy định tại Điều 20 & 21 Nghị định 153/2013/NĐ – CP). Nếu giải quyết được những bất cập, vướng mắc nêu trên sẽ tạo ra những cải cách mạnh mẽ và hiệu quả hơn nữa nhằm bảo đảm môi trường kinh doanh lành mạnh, hiệu quả và công bằng.

Chính vì vậy, vấn đề quan trọng hiện nay cần phải có sự đánh giá đầy đủ quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam, đặc biệt là khía cạnh những hạn chế, bất cập, tồn tại, từ đó, nhìn nhận lại nhu cầu thật sự của thị trường cần có doanh nghiệp tham gia để phát triển kinh tế như thế nào? Sau đó sẽ đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động này. Đó cũng chính là lý do tác giả lựa chọn đề tài “Trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo pháp luật Việt Nam” để làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Phát triển kinh tế luôn là ưu tiên hàng đầu của bất kỳ quốc gia nào. Đại

hội lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu ra vấn đề có tính nguyên tắc trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước trong giai đoạn hiện nay: Bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội. Trong phát triển kinh tế, Việt Nam coi trọng vấn đề này và đã đặt doanh nghiệp là “trụ cột” của phát triển kinh tế. Để thực hiện tốt mục tiêu này Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng xây dựng một môi trường kinh doanh thông thoáng, đặc biệt là việc khai sinh ra doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nói riêng. Bởi vậy, vấn đề thủ tục thành lập doanh nghiệp đã được Chính phủ chú trọng cải cách và được nhiều học giả, nhà nghiên cứu lựa chọn đề tài nghiên cứu, viết báo. Trong đó, có bài viết của tác giả Trần Huỳnh Thanh Nghị đăng trên Tạp chí Luật học số 4/2015 đã phân tích một số cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp 2014 trong việc cải thiện môi trường thứ hạng kinh doanh của Việt Nam trong năm 2016. Bài viết đã đề cập đến trình tự, thủ tục ĐKKD như việc cắt giảm thời hạn ĐKKD, kết nối liên thông giữa thủ tục ĐKKD với đăng ký lao động, bỏ ghi ngành, nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận ĐKKD. [13, tr. 5-8] Bài viết cũng chỉ ra một số trở ngại của Việt Nam trong thời gian tới, đó là tốc độ cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp vẫn còn chậm so với nhiều nền kinh tế khác, danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện còn nhiều và chế tài xử phạt đối với nhà ĐKKD vi phạm còn thấp, chưa đủ sức răn đe đối với doanh nghiệp. Mặc dù, Luật doanh nghiệp 2014 đã có bước “chuyển mình” trong việc rút ngắn các thủ tục ĐKKD đối với các doanh nghiệp. Tuy nhiên, không khỏi có những quy định chưa phù hợp với thực tiễn xã hội. [10, tr5-9] bài viết “Một số hạn chế của luật doanh nghiệp và luật đầu tư 2014 còn nhiều bất cập” của tác giả Phạm thị Hồng Đào đã chỉ rõ, những vấn đề tồn tại đang gây nhiều khó khăn không chỉ

là nội dung một số quy định chưa thật sự phù hợp, các văn bản pháp luật được ban hành trước thời điểm các Luật này có hiệu lực vẫn chưa được hoàn thiện, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với những cải cách của luật. Điều này đang gây nên sự chậm trễ, ách tắc và khiến các các doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư trong nước và nước ngoài lo ngại. [29, tr. 15-20] Bài viết “Những quy định về thủ tục thành lập doanh nghiệp cần được tiếp tục hoàn thiện” của tác giả ThS. Nguyễn Thị Yên đăng trên tạp chí Luật học số 9/2010 đã nêu ra một vài kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp. [11, tr. 5-11] Luật sư Trương Thanh Đức, đăng trên báo nhân dân, số ra ngày 27/05/2016 đã đề cập đến vấn đề Hoàn thiện pháp luật, thúc đẩy hoạt động đầu tư kinh doanh đã nêu lên sự bất cập của quyền tự do kinh doanh, trái với Hiến pháp cho phép doanh nghiệp được tự do kinh doanh, kinh doanh những gì mà pháp luật không cấm. Con số trong Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện còn quá nhiều gây cản trở cho các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh. [23, tr 7-10] Với nhiều bất cập về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, tác giả tác giả Nguyễn Thị Thu Thủy đã có bài viết “Hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay” trên trang Tạp chí Dân chủ và Pháp luật năm 2015, bài viết nêu lên sự cần thiết xây dựng văn bản pháp luật chuyên biệt cho tình tự, thủ tục ĐKKD trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Mặc dù các bài báo, các công trình nghiên cứu đã chỉ ra được những tiến bộ và hạn chế của thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở thời kỳ trước khi Luật doanh nghiệp 2014, Luật đầu tư 2014 có hiệu lực. Những nghiên cứu của các công trình trên đã không còn đáp ứng kịp thời với thực tiễn thi hành. Bởi Luật doanh nghiệp 2014 đã có nhiều điểm mới, gần đây nhất, Quốc hội lại tiếp tục ban hành Luật sửa đổi, bổ sung

Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư.

Có thể nói, hiện nay chưa có công trình nào cập nhật đầy đủ, toàn diện các nội dung đổi mới của thủ tục đăng ký kinh doanh của ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Do đó, Luận văn là những cập nhật, những phát hiện về mặt tích cực cũng như những mặt bất cập hạn chế còn ghi nhận trong Luật doanh nghiệp 2014, nhằm hoàn thiện, xây dựng thủ tục đăng ký kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được gọn nhẹ phù hợp với xu thế thế giới và có có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài nhằm làm rõ các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, tìm hiểu thực tiễn về việc giải quyết đăng ký kinh doanh cho những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nhằm đưa ra những kiến nghị, về mặt lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp luật cho các doanh nghiệp khi làm thủ tục đăng ký kinh doanh những ngành, nghề có điều kiện.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập Doanh nghiệp trong các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

- Đánh giá thực trạng pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

- Đề ra một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những quy phạm pháp luật liên quan đến trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật doanh nghiệp Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Đề tài tập trung nghiên cứu các thủ tục liên quan đến việc thực hiện trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Việt Nam.

Luận văn sẽ tập trung làm rõ các thủ tục thành lập doanh nghiệp trong những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014, so sánh Luật Doanh nghiệp 1999, 2005 để thấy rõ sự thay đổi theo hướng tích cực và phù hợp với thực tiễn.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Phương pháp luận: Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, các quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu đề tài, tác giả sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học sau:

+ Phương pháp phân tích: Phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

+ Phương pháp so sánh: So sánh những quy định của pháp luật về trình tự,

thủ tục đăng ký kinh doanh giữa Luật doanh nghiệp 2005 và luật doanh nghiệp 2014. Để thấy rõ sự tiến bộ của luật doanh nghiệp 2014 về các quy định thành lập doanh nghiệp trong những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

+ Phương pháp tổng hợp: Tổng hợp các văn bản pháp luật khác nhau.

+ Phương pháp lịch sử: Nhìn lại quá trình thay đổi, cải cách thủ tục hành chính về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp của Luật Doanh nghiệp.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Từ việc tiếp cận các thông tin trên cơ sở phỏng vấn, tham khảo các bài viết lý luận và các thông tin trong Luật doanh nghiệp 2014, Luật đầu tư, tác giả sẽ đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc đăng ký những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu đề tài sẽ góp phần bổ sung cho những buổi hội thảo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ sở kế hoạch và đầu tư, giảm thiểu sự lúng túng trong việc hướng dẫn thực hiện trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay, đồng thời, nâng cao sự am hiểu về thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp khi đi ĐKKD

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, Đề tài có kết cấu ba chương sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Chương 2: Thực trạng quy định và thực hiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Phương hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP TRONG CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Khái niệm, đặc điểm của trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước ngày càng thức rõ tầm quan trọng của doanh nghiệp, xác định doanh nghiệp chính là nguồn động lực lớn lao của toàn xã hội, là nhân tố không thể tách rời sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước. Để thúc đẩy sự phát triển toàn diện của doanh nghiệp, Quốc hội đã thông qua Luật Doanh nghiệp 2014 và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2015. Trong đó, Luật chú trọng đến quyền tự do kinh doanh, đó là một trong những quyền cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013 - Công dân có quyền thành lập doanh nghiệp, quyền tự do kinh doanh tất cả ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

Theo Luật Doanh nghiệp năm 2014, các trình tự, thủ tục ĐKKD được tối giản các bước để đảm bảo thủ tục được thực hiện nhanh, không làm tốn thời gian, công sức của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp sớm đi vào hoạt động. Luật đã bãi bỏ yêu cầu về chứng chỉ hành nghề - một loại văn bản mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc hiệp hội nghề nghiệp được Nhà nước ủy quyền cấp cho cá nhân có đủ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp về một ngành, nghề nhất định. Doanh nghiệp muốn hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề thì cá nhân là giám đốc, người đứng đầu hoặc cán bộ chuyên môn của doanh nghiệp đó phải có chứng chỉ hành nghề. Tùy vào từng ngành, nghề, lĩnh vực khác nhau được quy định trong pháp luật chuyên ngành mà yêu cầu số

lượng cá nhân có giấy chứng nhận hành nghề và vị trí của người có giấy chứng nhận hành nghề trong doanh nghiệp cũng khác nhau. Không yêu cầu các danh nghiệp mới thành lập, mà không phụ thuộc luật chuyên ngành phải xác nhận vốn pháp định tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp: Vốn pháp định là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập doanh nghiệp. Theo pháp luật hiện hành thì không phải bất cứ loại ngành, nghề nào cũng phải yêu cầu vốn pháp định. Vốn pháp định được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật chuyên ngành. Chẳng hạn như trong luật chứng khoán, luật hàng không dân dụng Việt Nam, Luật dạy nghề, Luật điện ảnh.

Bên cạnh đó, Luật doanh nghiệp cũng quy định, không ghi ngành, nghề kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (trừ ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật), đồng thời, thủ tục đăng ký doanh nghiệp với thủ tục về thuế, đăng ký lao động và bảo hiểm xã hội cũng được liên thông để giải quyết trực tiếp. Luật doanh nghiệp 2014 cũng bổ sung áp dụng thống nhất thủ tục về thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua hoặc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, không phân biệt nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Tại Điều 29 Luật Doanh nghiệp 2014 thì Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được rút gọn chỉ còn 04 nội dung chính: Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; họ, tên địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân... của người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ. [19]

Đối với doanh nghiệp kinh doanh những ngành, nghề có điều kiện, thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp không phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp được phép kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện kể từ khi đáp ứng

được các yêu cầu về điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật đầu tư 2014 là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. [20]

Các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã quy định tại Phụ lục IV của Luật đầu tư và được sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1/1/2017 là 243 ngành, nghề với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, các doanh nghiệp được chủ động lựa chọn ngành, nghề kinh doanh. [22] Chính điều này, sẽ giúp sở kế hoạch và đầu tư các tư vấn viên không còn lúng túng khi thực hiện giải đáp thắc mắc cũng như hướng dẫn làm hồ sơ đăng ký kinh doanh cho những ngành, nghề có điều kiện

Bên cạnh đó, khi có sự thay đổi ngành, nghề kinh doanh, doanh nghiệp chỉ phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh để được bổ sung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới như luật cũ.

Luật Doanh nghiệp 2014 quy định những vấn đề nêu trên đã giảm tải số lượng công việc cho Sở kế hoạch và đầu tư lẫn doanh nghiệp khi thực hiện ĐKKD; tạo môi trường thông thoáng, cắt giảm nhiều thủ tục rườm rà, không phù hợp với xu thế thời đại. Điển hình nhất là rút ngắn thời gian để cấp Giấy chứng nhận ĐKKD từ 05 ngày xuống còn 03 ngày. Đây, chính là điều các doanh nghiệp cần khi hội nhập vào thị trường kinh doanh. Nếu luật doanh nghiệp không đặt ra được những tiêu chí về tối giản trình tự, thủ tục ĐKKD sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do kinh doanh của công dân, ảnh hưởng

đến xu thế hội nhập phát triển kinh tế trên trường quốc tế và trái với các quy định của điều ước quốc tế, trái với các quy định của pháp luật liên quan.

Khi doanh nghiệp được thành lập, nó mang một tầm vóc chiến lược thúc đẩy quá trình phát triển nền kinh tế Việt Nam, đồng thời, hình thành nên một mạng lưới thu hút nguồn lao động có trình độ phổ thông, thợ lành nghề cho đến trí thức. Xét thấy, đây là vấn đề cấp thiết, là bài toán kinh tế cho nước nhà, Nhà nước ta đã có những bước chuyển mình, tạo điều kiện thông thoáng cho các doanh nghiệp sớm được hoàn tất các thủ tục. Từ đó, trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp cũng được đơn giản hóa các bước so với trước đây, khi mà việc thành lập doanh nghiệp rất khó khăn và mất thời gian, tốn kém. Trường hợp kinh doanh những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nằm trong danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì khi ĐKKD doanh nghiệp cần phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau đó đi thực hiện các thủ tục đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Khi nào được cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thì mới hoạt động kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Để được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong từng ngành, nghề, trong từng lĩnh vực là khác nhau sẽ do những cơ quan khác nhau cấp, theo một trình tự, thủ tục khác nhau, được quy định trong những văn bản pháp luật chuyên ngành khác nhau. Những điều kiện này có thể là yêu cầu về phòng chống cháy nổ, yêu cầu về cơ sở, vật chất tối thiểu, yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm... khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì bắt buộc giám đốc, người đứng đầu hoặc cán bộ chuyên môn của doanh nghiệp đó phải có chứng chỉ hành nghề. Tùy vào từng ngành, nghề, lĩnh vực khác nhau được quy định trong pháp luật chuyên ngành mà yêu cầu số lượng cá nhân có giấy chứng nhận hành nghề và vị trí của người có giấy chứng nhận hành nghề trong doanh nghiệp cũng khác nhau. Chứng chỉ hành nghề phải

được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc hiệp hội nghề nghiệp được Nhà nước ủy quyền cấp cho cá nhân có đủ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp về một ngành, nghề nhất định.

Mặt khác, các doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện phải có chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp. Đây chính là một hợp đồng bảo hiểm. Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp là giấy chứng nhận sự tồn tại hợp pháp của hợp đồng bảo hiểm này. Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp thường được áp dụng đối với một số ngành, nghề chuyên môn đòi hỏi trách nhiệm cao của người hành nghề như kiến trúc sư, kỹ sư tư vấn trong ngành xây dựng, công chứng viên trong nghề công chứng, luật sư trong nghề luật... để khi rủi ro xảy ra, người hành nghề được đảm bảo quyền lợi.

Bên cạnh đó, một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện cũng yêu cầu vốn pháp định. Vốn pháp định là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập doanh nghiệp. Theo pháp luật hiện hành thì không phải bất cứ loại ngành, nghề nào cũng phải yêu cầu vốn pháp định. Vốn pháp định được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật chuyên ngành. Chẳng hạn như trong luật chứng khoán, luật hàng không dân dụng Việt Nam, Luật dạy nghề, Luật điện ảnh,...

Doanh nghiệp phải xác định được đơn vị kinh doanh ngành, nghề có điều kiện nào thì chuẩn bị hồ sơ theo điều kiện của ngành, nghề sau đó có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác đi nộp hồ sơ thông qua tổ một cửa của Sở kế hoạch và đầu tư sở tại hoặc gửi hồ sơ thông qua Cổng thông tin quốc gia, khi đó, cơ quan ĐKKD có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn

bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Các trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, được nơi đăng ký kinh doanh phối hợp liên thông giữa các cơ quan trong cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lao động, bảo hiểm xã hội và đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.

Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia có giá trị pháp lý như hồ sơ nộp bằng bản giấy. Quy trình thành lập doanh nghiệp cũng được thể hiện rõ tại Nghị định số 43/2010/NĐ – CP là đi theo hướng tập trung tại một cơ quan đầu mối. Đó chính là Phòng ĐKKD, Sở kế hoạch và đầu tư, chứ không phân tán buộc các doanh nghiệp phải đi liên hệ với nhiều cơ quan khác như trước thời điểm ngày 01/06/2010. [5] Điều này cũng phù hợp với nhiều cách thức ĐKKD mà các quốc gia trên thế giới đã tiến hành.

Bên cạnh đó, việc ĐKKD trên hệ thống thông tin điện tử đã tạo thành tính hệ thống, chặt chẽ, dễ nắm bắt liên hệ, có tầm vóc quy mô lớn. Nhờ đó, mà toàn bộ thông tin về doanh nghiệp ở các địa phương đều được chuyển tải vào hệ thống thông tin ĐKKD quốc gia. Dựa trên cơ sở này để tránh sự chồng chéo, nhầm lẫn tên doanh nghiệp trên phạm vi 36 tỉnh thành, giảm thiểu tình trạng nhầm lẫn thương hiệu.

Từ những phân tích trên rút ra, khái niệm về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện là:

- *Khái niệm:*

Tình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo pháp luật Việt Nam hiện nay là những công đoạn thủ tục (những bước) hoạt động của người kinh doanh chuẩn bị hồ sơ theo yêu cầu của từng ngành, nghề kinh doanh có điều kiện để đăng ký với cơ quan nhà nước xin cấp phép kinh doanh nghề kinh doanh có điều kiện và thời hạn

thực hiện mà cá nhân, tổ chức, cơ quan đăng ký kinh doanh phải tuân thủ trong quá trình đăng ký thành lập doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do pháp luật quy định.

Chủ thể doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện có thể lựa chọn hình thức nộp sơ đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

-Đặc điểm:

Thứ nhất, là thủ tục pháp lý tiến hành sơ khai ban đầu khi thành lập doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện;

Thứ hai, người kinh doanh phải chuẩn bị hồ sơ hợp lệ gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh; bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; các giấy tờ khác như giấy phép con, vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề;

Thứ ba, người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền gửi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Luật này cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, hoặc thông qua Cổng thông tin điện tử quốc gia;

Thứ tư, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Các trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, được nơi đăng ký kinh doanh phối hợp liên thông giữa các cơ quan trong cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lao động, bảo hiểm xã hội và đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.

Thứ năm, sau khi làm xong thủ tục xin phép cơ quan nhà nước có thẩm

quyền sẽ xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp phép hoạt động đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà doanh nghiệp đã xin phép.

1.2. Nội dung trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

Quyết định thành lập doanh nghiệp là một quyết định quan trọng đối với bất kỳ nhà đầu tư nào, đặc biệt là những người khởi nghiệp. Để thực hiện được quyết định đó, nhà đầu tư cần phải tiến hành các thủ tục pháp lý để thành lập doanh nghiệp. Đối với Luật doanh nghiệp 2014, thì trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp khá đơn giản, thời gian xin cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cũng không dài. Trong quá trình gia nhập thị trường, Luật Doanh nghiệp 2014 đã bãi bỏ các yêu cầu về điều kiện kinh doanh tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, chuyển hoàn toàn từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Theo đó, tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp không phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp được phép kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện kể từ khi đáp ứng được các yêu cầu về điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Tuy nhiên, trong giai đoạn tiền thành lập này, các nhà đầu tư cần chú trọng đến nội dung trình tự, thủ tục xin cấp giấy chứng nhận ĐKKD những ngành, nghề thông thường nói chung và ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nói riêng. Để đảm bảo vấn đề pháp lý phát sinh có liên quan đến thủ tục xin cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cần thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, xác định tên cho doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, chủ thể làm chủ doanh nghiệp và người chịu trách nhiệm tư cách pháp nhân. Pháp luật doanh nghiệp hiện hành bắt buộc tên doanh nghiệp không được trùng nhau, không tương đồng dễ gây nhầm lẫn do vậy khi tiến hành thành lập

doanh nghiệp bước đầu tiên như kiểm tra tên doanh nghiệp trên hệ thống trang điện tử quốc gia xem tên doanh nghiệp định đặt có trùng doanh nghiệp nào không. Đối với địa chỉ doanh nghiệp là căn cứ để cơ quan thuế xác nhận doanh nghiệp đầy hoạt động là có thật.

Thứ hai, Đây là vấn đề rất quan trọng vì ngoài thủ tục đăng ký kinh doanh thông thường, ở một số loại ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, các nhà đầu tư còn phải xin thêm giấy phép kinh doanh, phải có chứng chỉ hành nghề, vốn pháp định hoặc phải đáp ứng thêm một số điều kiện đặc thù của ngành, nghề đó mà pháp luật quy định cũng như phải thực hiện đúng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Hiện nay pháp luật doanh nghiệp quy định ba loại hình của ngành, nghề kinh doanh chính mà đòi hỏi nhà đầu tư phải thỏa mãn thêm một số yêu cầu đối với việc đăng ký kinh doanh, đó là: Các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; Các ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; Các ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề. Nhưng ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được Pháp luật đầu tư quy định.

Theo đó, tùy từng ngành, nghề kinh doanh mà doanh nghiệp sẽ được yêu cầu phải xin giấy phép kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho ngành, nghề kinh doanh đó. Cụ thể: Đối với ngành, nghề Sản xuất phim: Doanh nghiệp phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Cục Điện ảnh cấp trước khi ĐKKD (Điều 14 Luật điện ảnh); kinh doanh cảng hàng không: (Khoản 1 Điều 22 NĐ 83/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007); cung cấp dịch vụ hàng không mà không phải là doanh nghiệp cảng hàng không (Khoản 2 Điều 22 NĐ 83/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007;

Các ngành, nghề kinh doanh cần vốn pháp định, thì các nhà đầu tư phải chuẩn bị văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của ngân hàng. Cụ thể các ngành, nghề cần vốn pháp định như: Tổ chức tín

dụng (Nghị định 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006): [5] Ngân hàng thương mại cổ phần: 1000 tỷ đồng (đến hết ngày 30/12/2010 là 3.000 tỷ đồng); ngân hàng liên doanh: 1000 tỷ đồng (đến hết ngày 30/12/2010 là 3.000 tỷ đồng); ngân hàng 100% vốn nước ngoài: 1000 tỷ đồng (đến hết ngày 30/12/2010 là 3.000 tỷ đồng); Chi nhánh ngân hàng nước ngoài: 15 triệu USD; Quỹ tín dụng nhân dân (Nghị định 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006; Quỹ tín dụng nhân dân trung ương: 1.000 tỷ đồng; Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở: 0.1 tỷ đồng; Tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Nghị định 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006); Công ty tài chính: 300 tỷ đồng (đến hết ngày 30/12/2010 là 500 tỷ đồng); Công ty cho thuê tài chính: 100 tỷ đồng (đến hết ngày 30/12/2010 là 150 tỷ đồng); Kinh doanh bất động sản: 6 tỷ đồng (Điều 3 NĐ 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007); Dịch vụ đòi nợ: 2 tỷ đồng (Điều 13 NĐ 104/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007); Dịch vụ bảo vệ: 2 tỷ đồng (không được kinh doanh các ngành, nghề và dịch vụ khác ngoài Dịch vụ bảo vệ) (NĐ 52/2008/NĐ-CP ngày 22/4/2008); Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: 5 tỷ đồng (Điều 3 NĐ 126/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007). [8]

Một số ngành, nghề kinh doanh cần có Chứng chỉ hành nghề như: Kinh doanh dịch vụ pháp lý; kinh doanh dịch vụ khám, chữa bệnh và kinh doanh dược phẩm; kinh doanh dịch vụ thú y và kinh doanh thuốc thú y; kinh doanh dịch vụ thiết kế quy hoạch xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng; kinh doanh dịch vụ kiểm toán; Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, mua bán thuốc bảo vệ thực vật; kinh doanh dịch vụ xông hơi khử trùng; kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải; mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; kinh doanh dịch vụ kế toán; dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ định giá bất động sản; dịch vụ sàn giao dịch bất động sản. Bên cạnh đó, một số ngành, nghề phải đáp ứng các quy định về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; quy định

về phòng cháy, chữa cháy, trật tự xã hội, an toàn giao thông và quy định về các yêu cầu khác đối với hoạt động kinh doanh tại thời điểm thành lập và trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể các ngành, nghề: kinh doanh Karaoke; phát hành, xuất bản ấn phẩm; quảng cáo; kinh doanh trò chơi điện tử; kinh doanh vũ trường... Do đó, việc xác định ngành, nghề kinh doanh là rất quan trọng cho nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần phải chắc chắn là mình có thể thỏa mãn các điều kiện pháp lý để có thể xin được giấy chứng nhận ĐKKD.

Thứ ba, cần xác định nguồn vốn điều lệ: Các nhà đầu tư cũng cần xác định rõ loại tài sản nào mà nhà đầu tư sẽ dùng để góp vốn thành lập doanh nghiệp. Riêng đối với tài sản góp vốn không phải là tiền đồng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì cần phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá, để làm cơ sở cho việc góp vốn và hạch toán kế toán, thuế của doanh nghiệp. Các nhà đầu tư cần thiết phải trao đổi với nhau để thống nhất phương thức định giá và tổ chức định giá trước khi thành lập doanh nghiệp hay thậm chí là tự thỏa thuận định giá với nhau - và có thể đưa vào trong hợp đồng thỏa thuận thành lập doanh nghiệp. Việc này nhằm tránh trường hợp sau khi doanh nghiệp được thành lập xong, nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về phương thức định giá hay tổ chức định giá hoặc là giá trị của tài sản góp vốn, gây đình trệ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ tư, cần xác định số lượng thành viên góp vốn và loại hình doanh nghiệp: Số lượng các thành viên góp vốn cũng ảnh hưởng đến loại hình doanh nghiệp và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp sau này. Nếu chỉ có một nhà đầu tư duy nhất, loại hình doanh nghiệp sẽ có thể là doanh nghiệp tư nhân với cơ chế quản lý là chủ doanh nghiệp, hay là Công ty TNHH một thành viên đối với trường hợp nhà đầu tư là tổ chức với cơ chế quản lý có thể là hội đồng

thành viên (nếu có từ hai người đại diện theo ủy quyền trở lên) hay chủ tịch công ty (nếu chỉ có một người đại diện theo ủy quyền) hay chủ tịch công ty nếu nhà đầu tư là cá nhân.

Nếu có từ hai nhà đầu tư trở lên thì các nhà đầu tư sẽ chọn lựa giữa việc thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên (có hội đồng thành viên) hay công ty cổ phần (có hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông).

Mỗi loại hình doanh nghiệp và cơ cấu quản lý có những thuận lợi (ví dụ như thay đổi cổ đông sở hữu dưới 5% tổng số cổ phần của công ty cổ phần không phải thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty cổ phần có thể phát hành trái phiếu, chỉ cần một nhà đầu tư là đã có thể thành lập Công ty TNHH) và những khó khăn (ví dụ như công ty cổ phần thì các cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng cổ phần trong ba năm đầu thành lập, công ty cổ phần phải có ít nhất ba cổ đông sáng lập, lương trả cho chủ doanh nghiệp tư nhân không được coi là chi phí hợp lý, hợp lệ của doanh nghiệp tư nhân). Do đó, các nhà đầu tư cần phải biết trước để chọn lựa loại hình doanh nghiệp và cơ cấu quản lý cho phù hợp. Chọn lựa sai có thể tạo sức ỳ, là lực cản tăng trưởng hay thậm chí làm cho doanh nghiệp bị phá sản.

Thứ năm, cần có hợp đồng thỏa thuận thành lập doanh nghiệp: Hợp đồng thỏa thuận thành lập doanh nghiệp là hết sức quan trọng và cần thiết đối với trường hợp doanh nghiệp do nhiều nhà đầu tư tham gia. Tuy nhiên, hiện nay, chỉ đối với loại hình liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài thì hợp đồng liên doanh mới được yêu cầu phải có trong hồ sơ đăng ký kinh doanh mà thôi. Tuy vậy, ngay cả với những trường hợp hồ sơ đăng ký kinh doanh không có yêu cầu thì các nhà đầu tư cũng nên lập hợp đồng hoặc thỏa thuận thành lập doanh nghiệp để có thể xác định quyền và nghĩa vụ của từng nhà đầu tư, tránh những tranh chấp không đáng có sau này. Hợp đồng hoặc thỏa thuận này sẽ bao gồm những quyền và nghĩa vụ của từng

bên trong quá trình chuẩn bị thành lập doanh nghiệp cho đến khi bắt đầu tiến hành đăng ký kinh doanh và ở giai đoạn doanh nghiệp mới thành lập, xử lý trường hợp doanh nghiệp không thể thành lập được... những vấn đề mà điều lệ mẫu của cơ quan cấp phép của địa phương không quy định (ví dụ như các thỏa thuận chuyển nhượng vốn giữa các thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập trong tương lai; vấn đề bảo mật thông tin giữa các nhà đầu tư; những cam kết riêng lẻ về những vấn đề hợp tác đầu tư giữa các bên trong tương lai...).

1.3. Kinh nghiệm pháp luật của một số nước quy định về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

Việt Nam:

Năm 1999, vào ngày 12/06, Luật doanh nghiệp 1999 được Quốc hội ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2000 đến ngày 30/06/2006 thay thế cho Luật công ty vào năm 1990 và luật tư nhân năm 1990. Tại thời điểm này, Luật doanh nghiệp năm 1999 được coi là cuộc “cách mạng” về cải cách thủ tục hành chính trong việc thành lập công ty và ĐKKD.

Cuộc đột phá về thể chế mang tên “Luật doanh nghiệp” năm 1999 đã khởi đầu cho sự phát triển của các loại hình doanh nghiệp. Đây được gọi là bước đi cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam trong chặng đường hội nhập. [14] Tiếp đó, được sửa đổi, thay thế bằng Luật doanh nghiệp 2005 và hiện nay là Luật doanh nghiệp 2014 đi vào hoạt động với nhiều bước tối giản cho doanh nghiệp hội nhập trên trường quốc tế.

Trong giai đoạn trước năm 2000, nhà đầu tư muốn thành lập công ty tại Việt Nam phải trải qua hai thủ tục: Xin phép thành lập tại UBND cấp tỉnh và ĐKKD tại Sở Kế hoạch và đầu tư. Hồ sơ xin phép của chủ đầu tư phải đi qua ít nhất 7 cơ quan với khoảng 20 loại giấy tờ, con dấu khác nhau. Trung bình thành lập một công ty phải mất 98 ngày làm việc. Thủ tục thành lập công ty không thuận lợi, rườm rà sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp, biểu hiện

rõ rệt là giảm về số lượng ĐKKD. Khi luật doanh nghiệp 1999 ra đời đã chấn chỉnh và cải cách ngay việc rườm rà trong thủ tục ĐKKD. Nhà đầu tư chỉ đến Sở kế hoạch và đầu tư để xin phép thành lập doanh nghiệp mà không cần phải thủ tục xin cấp phép thành lập ở UBND cấp tỉnh. Những tư tưởng đột phá của Luật doanh nghiệp năm 1999 đã tạo cơ sở cho nhiều văn bản pháp luật sau này “nói không với giấy phép con”. [7] Ngày 03/02/2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 19/2000/QĐ-TTg về bãi bỏ các loại giấy phép trái quy định của Luật doanh nghiệp, 84 loại giấy phép bị bãi bỏ. Sáu tháng sau, Chính phủ ban hành Nghị định 30/2000/NĐ-CP ngày 11/08/2000 của Chính phủ để tiếp tục bãi bỏ 27 giấy phép và chuyển 34 giấy phép thành điều kiện kinh doanh. Hai năm sau, Chính phủ ban hành nghị định số 59/2002/NĐ-CP ngày 04/06/2002 bãi bỏ 4 loại giấy phép hành nghề và thay thế một số giấy phép bằng phương thức quản lý khác. Sau 6 tháng, Chính phủ ban hành Nghị định 30/2000/NĐ-CP ngày 11/08/2000 của Chính phủ để tiếp tục bãi bỏ 27 giấy phép và chuyển 34 giấy phép thành điều kiện kinh doanh. Hai năm sau, Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2002/NĐ-CP ngày 04/06/2002 bãi bỏ 4 loại giấy phép hành nghề và thay thế một số giấy phép bằng phương thức quản lý khác. Hàng loạt các rào cản được tháo gỡ, vì vậy, thời gian giải quyết ĐKKD được rút xuống còn 15 ngày. Luật doanh nghiệp 1999 cũng được xác định lại vốn pháp định chỉ áp dụng cho một số ngành, nghề mà không áp dụng tràn lan, chỉ giữ lại một số ngành, nghề như kinh doanh tiền tệ, tín dụng, bảo hiểm, chứng khoán. [9] Bắt đầu từ khi Luật doanh nghiệp 1999 ra đời đã chú trọng đến khâu “hậu kiểm” thay cho “tiền kiểm”, điều đó đem lại sự thông thoáng trong quy trình, thủ tục thành lập công ty.

Luật doanh nghiệp 1999 được đánh giá là hoàn thiện hơn hẳn so với quy định trước đây. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế như, tên gọi doanh nghiệp khi thành lập vẫn còn thiếu rõ ràng, thời gian giải quyết hồ sơ ĐKKD vẫn còn

dài so với sự phát triển của xã hội. [15] Trong hoàn cảnh đó, Luật doanh nghiệp 2005 đã tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi hơn để doanh nghiệp tư nhân phát triển, xóa bỏ sự phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp như trước, với thời hạn thành lập doanh nghiệp chỉ rút xuống còn 10 ngày và vướng mắc về tên doanh nghiệp được tháo gỡ phần nào thông qua các giải thích cụ thể tại các điều 31, 34 của Luật doanh nghiệp năm 2005 đã giúp nhà đầu tư dễ dàng hơn khi thành lập doanh nghiệp. Bộ tài chính, Bộ Kế hoạch – Đầu tư và Bộ công an đã ban hành hai Thông tư liên tịch quan trọng liên quan đến cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp: Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT/BKHĐT – BTC- BCA ngày 27/02/2007 về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết ĐKKD, đăng ký thuế, các phép khắc dấu với doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo luật doanh nghiệp 2005; Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT- BKHĐT – BTC- BCA ngày 29/7/2008 về đơn giản hóa thủ tục thành lập doanh nghiệp. Theo đó, đã rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục ĐKKD – Thủ tục đăng ký thuế - Thủ tục khắc dấu cho doanh nghiệp từ 33 ngày xuống còn 22 ngày kể từ ngày 1/7/2006 và giảm còn 12 ngày đối với thành lập doanh nghiệp mới và 12 ngày đối với thành lập Chi nhánh và thay đổi nội dung ĐKKD.

Tiếp đó, ngày 15/04/2010 Nghị định 43/2010/NĐ-CP do Chính phủ ban hành đã tạo ra bước ngoặt mới trong tiến trình cải cách thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. [3] Theo quy định của nghị định này thì nhà đầu tư không cần phải tiến hành ĐKKD bằng hồ sơ giấy như trước mà có thể ĐKKD trực tuyến qua cổng ĐKKD quốc gia. Tất cả quy trình thành lập công ty được thực hiện tại phòng ĐKKD của Sở kế hoạch và đầu tư. Đối với việc đăng ký thông qua Cổng thông tin điện tử quốc gia đã rút ngắn thời gian ĐKKD không còn tình trạng chòng chéo, nhầm lẫn tên doanh nghiệp trên phạm vi 63 tỉnh, thành.

Luật Doanh nghiệp 2005 không nêu các ngành, nghề cấm kinh doanh. Thay vào đó, Điều 30 Luật Đầu tư 2005 quy định các lĩnh vực cấm đầu tư bao gồm các dự án gây phương hại đến: Quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích công cộng; di tích lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam; sức khỏe nhân dân, hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường; và các dự án xử lý phế thải độc hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất các loại hóa chất độc hại hoặc sử dụng tác nhân độc hại bị cấm. Tuy nhiên, cơ sở để xác định phạm vi của các lĩnh vực cấm đầu tư là chưa được rõ ràng nên về bản chất, không thể xác định được cụ thể giới hạn cấm đầu tư. Điều này có thể gây ra những rủi ro không đáng có cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, vấn đề này đã hoàn toàn thay đổi trong Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 7 về quyền của doanh nghiệp trong Luật Doanh nghiệp 2014 khẳng định doanh nghiệp được “tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm”. Đồng thời, Luật Đầu tư 2014 đã chuyển cách thức tiếp cận từ “chọn cho” sang nguyên tắc “chọn bỏ”. Đây là một sự thay đổi tư duy hết sức quan trọng hướng tới một môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho doanh nghiệp. Nếu như trước đây, phương pháp tiếp cận là “chọn - cho” - có nghĩa là trong luật quy định những lĩnh vực được phép đầu tư kinh doanh, thì lần này Luật Đầu tư 2014 sử dụng phương pháp tiếp cận là “chọn - bỏ” – có nghĩa là quy định cụ thể những ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; tất cả ngành, nghề kinh doanh khác thì nhà đầu tư, doanh nghiệp được kinh doanh theo quy định. Cụ thể, Luật Đầu tư 2014 nêu rõ 6 ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, bao gồm: kinh doanh các chất ma túy; kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật cấm; kinh doanh động, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc từ tự nhiên; kinh doanh mại dâm; mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người và các hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người.

Bên cạnh đó, để nâng cao hơn nữa tính công khai, minh bạch của các chính sách pháp luật, tạo điều kiện cho nhà đầu tư tự quyết định hoạt động của mình, mọi thông tin của doanh nghiệp như mã số thuế, mẫu con dấu, kinh doanh loại hình ngành, nghề gì, tên chủ doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, địa chỉ công ty đều được công khai tại Cổng thông tin đăng ký quốc gia. Luật Đầu tư 2014 còn quy định cụ thể về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Theo đó, ngành, nghề kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. Luật Đầu tư 2014 đã quy định rõ danh mục 267 ngành, được sửa đổi còn 243 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục kèm theo Luật; ngành, nghề và điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đó phải được đăng tải trên Cổng TTQGVĐKDN. Ngoài ra, Luật Đầu tư 2014 cũng quy định chỉ có Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ mới được ban hành quy định về điều kiện kinh doanh. Việc đưa danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện vào Luật Đầu tư 2014 sẽ hạn chế tình trạng các Bộ, ngành tùy tiện ban hành các quy định về điều kiện kinh doanh, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Từ đó, đã tối giản được trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. thời gian cấp Giấy chứng nhận ĐKKD chỉ còn 03 ngày làm việc và Giấy chứng nhận ĐKKD không phải ghi ngành, nghề kinh doanh. Chính sự đổi đột phá trong trình tự, thủ tục ĐKKD đã giúp doanh nghiệp sớm ra nhập thị trường kinh tế góp phần thúc đẩy tăng trưởng tổng sản phẩm quốc dân, phát triển kinh tế - xã hội.

Trong năm 2016, cả nước có 110.100 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 891.094 tỷ đồng, tăng 16,2% về số lượng doanh nghiệp và tăng 48,1% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2015. Đây là số doanh

nghiệp tăng cao kỷ lục từ trước đến nay và là lần đầu tiên nước ta có trên 100 nghìn doanh nghiệp thành lập trong một năm.

Thực tiễn cải cách đăng ký kinh doanh tại một số quốc gia cho thấy rằng thực hiện quy trình đăng ký trực tuyến, bãi bỏ quy định về vốn tối thiểu, thiết lập cơ chế “Một cửa” (One-stop shop), chuẩn hóa hồ sơ, không có sự can thiệp của tòa án, phí đăng ký cố định. Trên thế giới, thời gian trung bình để thành lập doanh nghiệp là 14 ngày. Trong 5 năm qua, mỗi năm thế giới có 45 cải cách được thực hiện trong lĩnh vực gia nhập thị trường của doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2013-2014, có 45 nền kinh tế đã tiến hành những cải cách nhằm đơn giản hóa việc khởi sự kinh doanh, đặc biệt chú trọng vào quy trình thành lập doanh nghiệp. Khu vực Châu phi (tiểu vùng Sahara) là có những cải thiện đáng kể nhất trong 5 năm qua. [12] Tuy nhiên, doanh nghiệp tại các quốc gia này vẫn đối mặt với nhiều thách thức khác trong việc khởi sự kinh doanh và vận hành doanh nghiệp.[8] Một số cải cách trong giai đoạn 2013-2014 trên thế giới cụ thể là đơn giản hóa thủ tục tiền đăng ký (chứng thực văn bản, thanh tra-kiểm tra, các thủ tục “tiền kiểm”). Những quốc gia đã thực hiện cải cách này là Albania, Bulgaria, Cộng hòa Hồi giáo Iran, Na-Uy, Mauritius, Tây Ban Nha, Vương Quốc Anh, Jamaica, Ấn Độ, Việt Nam về việc: Đơn giản hóa các thủ tục tiền đăng ký (chứng thực văn bản, thanh tra, kiểm tra, các thủ tục “tiền kiểm”);

Một số quốc gia như Áo, Benin, Trung Quốc, Cộng hòa Cécch, Đan mạch, Moldova, Ý, São Tomé and Príncipe, Senegal, Togo đã xóa bỏ hoặc giảm yêu cầu về vốn tối thiểu...

Rõ nét nhất là một số quốc gia với nhiều điển hình cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh:

- Timor-Leste (Đông Timor): Nước Dân chủ Cộng hòa Đông Timor đã tiến hành cải cách triệt để công tác đăng ký kinh doanh, xây dựng hệ thống

đăng ký “Một cửa” cho phép doanh nghiệp được đăng ký và bảo lưu tên doanh nghiệp, đăng ký và nhận mã số doanh nghiệp, công khai thông tin doanh nghiệp. Những cải cách đã đưa Đông Timor tăng 88 bậc trong xếp hạng về Khởi sự kinh doanh, thuộc Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, theo đó Đông Timor xếp thứ 75/189 trong Bảng xếp hạng năm 2015.

- São Tomé and Príncipe: Nước Dân chủ Cộng hòa São Tomé and Príncipe là quốc gia Châu Phi có nhiều những cải cách đáng kể trong năm qua. Đặc biệt, quốc gia này đã bãi bỏ quy định về vốn tối thiểu và giấy phép kinh doanh khi tiến hành đăng ký thành lập doanh nghiệp. Bên cạnh những cải cách khác, hai cải cách trên đã đóng góp cơ bản vào việc đơn giản hóa thủ tục khởi sự doanh nghiệp tại quốc gia này. Với những kết quả tích cực, São Tomé and Príncipe được xếp hạng 30 về Khởi sự kinh doanh, tăng 71 bậc trong năm 2015.

- Trung Quốc: Trong năm qua, Trung Quốc đã có cải thiện đáng kể về chỉ số Khởi sự kinh doanh, tăng 69 bậc trong Bảng xếp hạng năm 2015 của Ngân hàng Thế giới. Trung Quốc đã bãi bỏ yêu cầu về vốn tối thiểu để thành lập doanh nghiệp, từ đó cũng lược bỏ thủ tục về xác nhận vốn tối thiểu từ công ty kiểm toán, không yêu cầu lập tài khoản trước khi đăng ký, không yêu cầu ký quỹ tại ngân hàng và các giấy tờ xác minh liên quan. Đây là bước tiến đáng kể của Trung Quốc thể hiện tư duy mở cửa và đặt niềm tin vào doanh nghiệp khi tham gia thị trường.

Đối với trình tự, thủ tục ĐKKD tại Việt Nam, việc đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử, việc triển khai đăng ký thành lập doanh nghiệp qua mạng điện tử là xu hướng tất yếu trong quá trình kiện toàn công tác đăng ký kinh doanh. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng đăng ký trực tuyến góp phần giảm $\frac{1}{3}$ thời gian và chi phí để thành lập doanh nghiệp. Các nước phát triển có thu nhập bình quân đầu người cao đều là những nước đã áp dụng đăng ký qua mạng

điện tử và toàn bộ quy trình đăng ký, nộp hồ sơ, cấp mã số doanh nghiệp đã được thực hiện hoàn toàn tự động. Trong khi đó, các nước có thu nhập bình quân thấp hoặc trung bình mới chỉ thực hiện được từ 35-40% việc đăng ký trực tuyến và 40-45% số lượng truy cập thông tin doanh nghiệp qua mạng. Điều đó cho thấy khoảng cách và dư địa để các nước này tiếp tục triển khai những cải cách, đặc biệt về hạ tầng kỹ thuật để cho phép đăng ký trực tuyến trở thành nghiệp vụ cơ bản và dễ tiếp cận đối với cộng đồng. Tại Việt Nam, đăng ký doanh nghiệp qua mạng đã được triển khai từ năm 2013, tuy nhiên kết quả áp dụng chưa đạt được như kỳ vọng do chi phí sử dụng chữ ký điện tử cao và thói quen sử dụng dịch vụ hành chính điện tử chưa phổ biến tại Việt Nam. Hiện nay, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đang kiện toàn các dịch vụ hành chính công trực tuyến thông qua Cổng Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia để cung cấp dịch vụ thuận lợi, dễ dàng hơn cho cộng đồng...

Kết luận Chương 1

Nội dung của Chương 1 chủ yếu tập trung nghiên cứu những vấn đề lí luận cơ bản của trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo pháp luật Việt Nam. Những trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp được đơn giản theo từng giai đoạn của từng luật định, bắt đầu từ luật doanh nghiệp năm 1999 cho đến luật doanh nghiệp 2014, chính sự tối giản các trình tự, thủ tục đã giúp các doanh nghiệp sớm gia nhập thị trường kinh doanh và thu hút các nhà đầu tư.

Dưới góc độ pháp lý, thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới cho các loại hình doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh); đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được rút ngắn từ 05

ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, quy định tại Khoản 2 Điều 27 và Khoản 3 Điều 31 Luật Doanh nghiệp 2014. Quy định này, thể hiện sự tiến bộ hơn so với pháp luật doanh nghiệp một số nước trên thế giới. Tại Ấn độ, thời hạn để cơ quan ĐKKD thông báo kết quả giải quyết bổ sung hồ sơ ĐKKD cho nhà đầu tư lên đến 30 ngày, tại Indonesia, thời gian cấp ĐKKD là 14 ngày, tại Nga, thời gian cấp ĐKKD là 5 ngày...Lệ phí ĐKKD ở Việt Nam là 200 ngàn đồng (tương đương với 9USD), trong khi đó tại Italia, nhà đầu tư phải tốn 200 euros (tương đương với 5 triệu VNĐ).

Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã giảm bớt nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chỉ còn 4 nội dung chính: Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; thông tin chi tiết nhân thân của cá nhân là người đại diện theo pháp luật, chủ DNTN, thành viên hợp danh, thành viên công ty và thông tin của thành viên tổ chức; vốn điều lệ của doanh nghiệp, đồng thời, bỏ ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy Giấy chứng nhận ĐKDN; bỏ việc xác định vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề .

Qua quá trình nghiên cứu, đề tài đã làm rõ một số vấn đề như: khái niệm, đặc điểm; yêu cầu, trình tự, thủ tục, tìm hiểu một số quy định pháp luật hiện hành về thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo pháp luật Việt Nam. Đồng thời, chương này cũng tìm hiểu về thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện của một số nước trên thế giới. Cho thấy luật doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã hiện thực hóa quyền tự do kinh doanh tất cả ngành, nghề mà pháp luật không cấm theo quy định tại Hiến pháp, làm cho doanh nghiệp trở thành công cụ kinh doanh thực sự an toàn, đa công năng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay

Công tác ĐKKD được đánh giá rất cao trong nỗ lực tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, tiến tới hội nhập quốc tế cho các doanh nghiệp Việt Nam. Luật doanh nghiệp 1999 đã tạo ra được hành lang pháp lý thông thoáng cho doanh nghiệp khi gia nhập thị trường, đã chuyển đổi các phương thức ĐKKD từ “xét duyệt”, “cấp xét” sang phụ vụ, hỗ trợ, hướng dẫn là chủ yếu. Để tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý về thủ tục thành lập doanh nghiệp khi gia nhập thị trường. Luật doanh nghiệp 2005 được thay thế với mục đích tạo sự thông thoáng trong đăng ký thành lập doanh nghiệp, tạo sân chơi bình đẳng cho mọi loại hình dưới các hình thức sở hữu, giảm chi phí gia nhập thị trường. Bên cạnh đó việc ban hành Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Thông tư số 14/2010/TT-BKH của Bộ kế hoạch đầu tư ngày 4/6/2010. Thủ tục, trình tự hướng dẫn kinh doanh đã được hướng dẫn chi tiết. Với những thay đổi này các nhà đầu tư nắm quyền chủ động trong việc gia nhập thị trường và chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước và tính xác thực trong thông tin khai thác. Tuy đã có nhiều chuyển biến rõ rệt tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tiếp cận thị trường thông thoáng hơn, nhưng vẫn chưa phù hợp với nhu cầu phát triển xã hội, bởi các ngành, nghề kinh doanh có điều

kiện phải điều chỉnh cho phù hợp với thị trường kinh doanh, phù hợp với quyền tự do kinh doanh theo Hiến pháp năm 2013.

Luật doanh nghiệp 2014 ra đời, đánh giá bước chuyển mình vượt bậc so với hai luật cũ, thu hút các nhà đầu tư ĐKKD. Đến hiện nay con số thống kê tại thời điểm tháng 11/2016, số lượng thành lập doanh nghiệp mới đã lên đến 101683. [12] Đồng thời, Chính phủ đã thay thế Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/ 4/2010 của về đăng ký doanh nghiệp và Nghị định số 05/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP bằng Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 đã quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; đăng ký hộ kinh doanh; quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp [4]

Nghị Định 78 cũng quy định riêng tại Điều 26 về Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng:

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng, đơn vị phụ thuộc, thông báo lập địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định này. Trong đó, Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần

được thay thế bằng bản sao hợp lệ quyết định chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trực tiếp thực hiện hoặc chỉ định tổ chức tín dụng khác thực hiện việc tham gia góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tương ứng tại Nghị định này, trong đó, Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng được thay thế bằng bản sao hợp lệ quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thuận lợi trong quy định của Nghị 78 về trình tự thủ tục là, gười thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.

Mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số duy nhất gọi là mã số doanh nghiệp (đồng thời là mã số thuế của doanh nghiệp). Mã số này tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp và không được cấp lại cho tổ chức, cá nhân khác.

Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, khi thông báo bổ sung, thay đổi

ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì doanh nghiệp lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp ngay dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của doanh nghiệp phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp là ngành, nghề kinh doanh chi tiết doanh nghiệp đã ghi.

Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Ngoài Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký gồm các giấy tờ áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp. Cụ thể:

Thứ nhất, đối với doanh nghiệp tư nhân: Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực (đối với người Việt Nam); hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (đối với người nước ngoài).

Thứ hai, đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần và công ty hợp danh: Điều lệ công ty; danh sách thành viên (đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty hợp danh), cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (đối với công ty cổ phần), người đại diện theo ủy quyền (đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức); Bản sao hợp lệ của thẻ căn

cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực (đối với người Việt Nam); hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực (đối với người nước ngoài) trong trường hợp cá nhân thành lập doanh nghiệp. Nếu người thành lập doanh nghiệp là tổ chức thì cần có bản sao hợp lệ của Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức. Trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thì cần bản sao hợp lệ của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Thứ ba, đối với công ty TNHH một thành viên: Điều lệ công ty; bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo mô hình có Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và kiểm soát viên. Nếu công ty quản lý theo mô hình có Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên thì cần có danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty. Nếu chủ sở hữu công ty là cá nhân, cần có bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân. Nếu chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước) thì cần bản sao hợp lệ của Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của chủ sở hữu công ty. Trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi

hành thì cần bản sao hợp lệ của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức; Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất và công ty nhận sáp nhập được quy định tại Điều 24 của Nghị định. Điều 25 quy định về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng được quy định tại Điều 26 của Nghị định;

Nhìn chung, sau khi các doanh nghiệp xác định được ngành, nghề kinh doanh và nơi đặt trụ sở thì cần tuân theo những bước cơ bản sau để tiến hành ĐKKD:

Bước 1: [12] Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Điều: 21, 22, 23 Luật doanh nghiệp 2014. Cụ thể:

Điều 21. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty hợp danh

1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
2. Điều lệ công ty.
3. Danh sách thành viên.
4. Bản sao Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các thành viên.
5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.

Điều 22. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu hạn

1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
2. Điều lệ công ty.
3. Danh sách thành viên.
4. Bản sao các giấy tờ sau đây:
 - a) Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc

chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các thành viên là cá nhân;

b) Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.

Điều 23. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần

1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.
2. Điều lệ công ty.
3. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.
4. Bản sao các giấy tờ sau đây:

a) Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân;

b) Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.

Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.

Điều 24. Nội dung giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp.
2. Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; số điện thoại, số fax, thư điện tử (nếu có).
3. Ngành, nghề kinh doanh.
4. Vốn điều lệ; vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.
5. Các loại cổ phần, mệnh giá mỗi loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại cổ phần đối với công ty cổ phần.
6. Thông tin đăng ký thuế.
7. Số lượng lao động.
8. Họ, tên, chữ ký, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh.
9. Họ, tên, chữ ký, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần

Đồng thời tuân thủ hướng dẫn của Bộ kế hoạch và đầu tư tại Công văn số 4211/BKHĐT-ĐKKD ngày 26/06/2015. [17] Để nắm rõ các thông tin liên quan đến chuẩn bị hồ sơ ĐKKD doanh nghiệp có thể gọi điện trực tiếp đến Phòng ĐKKD hoặc Sở Kế hoạch và đầu tư nơi đặt trụ sở công ty.

Bước 2: Nộp hồ sơ đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính (Điều 25 Nghị định 43/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010). Việc này, có thể do người đại diện theo pháp luật của công ty đi nộp hoặc người được ủy quyền đi nộp theo quy định tại Điều 9 - Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Khi đến địa điểm ĐKKD phải thực hiện bấm số, lấy số thứ tự nộp hồ sơ thông qua tổ một cửa. Thời gian làm việc: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi

sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần). Tại đây, các Chuyên viên sẽ kiểm tra hồ sơ đủ giấy tờ theo quy định, tiếp nhận hồ sơ và cấp Giấy biên nhận cho doanh nghiệp. (19) Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý, trong trường hợp người thành lập doanh nghiệp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ và nhận kết quả đăng ký doanh nghiệp: Người được ủy quyền xuất trình bản chính Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác và giấy tờ sau: i. Hợp đồng cung cấp dịch vụ (giữa người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ) và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ hoặc; ii. Văn bản ủy quyền cho cá nhân theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực trường hợp thành lập mới hay văn bản ủy quyền của người đại diện pháp luật trường hợp thay đổi thực hiện nộp hồ sơ.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và giải quyết hồ sơ của doanh nghiệp. Nếu hồ sơ không hợp lệ sẽ được trả lại và nêu rõ lý do bằng văn bản.

Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết hồ sơ.

Bước 5: Mang một bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến cơ sở có chức năng khắc dấu để thực hiện việc làm con dấu pháp nhân cho công ty. Cơ sở khắc dấu sau khi khắc xong dấu pháp nhân sẽ chuyển cho cơ quan công an tỉnh, thành phố để công an tiến hành kiểm tra đăng ký và trả con dấu cho doanh nghiệp. Sau đó thông báo mẫu con dấu trên Cổng thông tin đăng ký kinh doanh quốc gia;

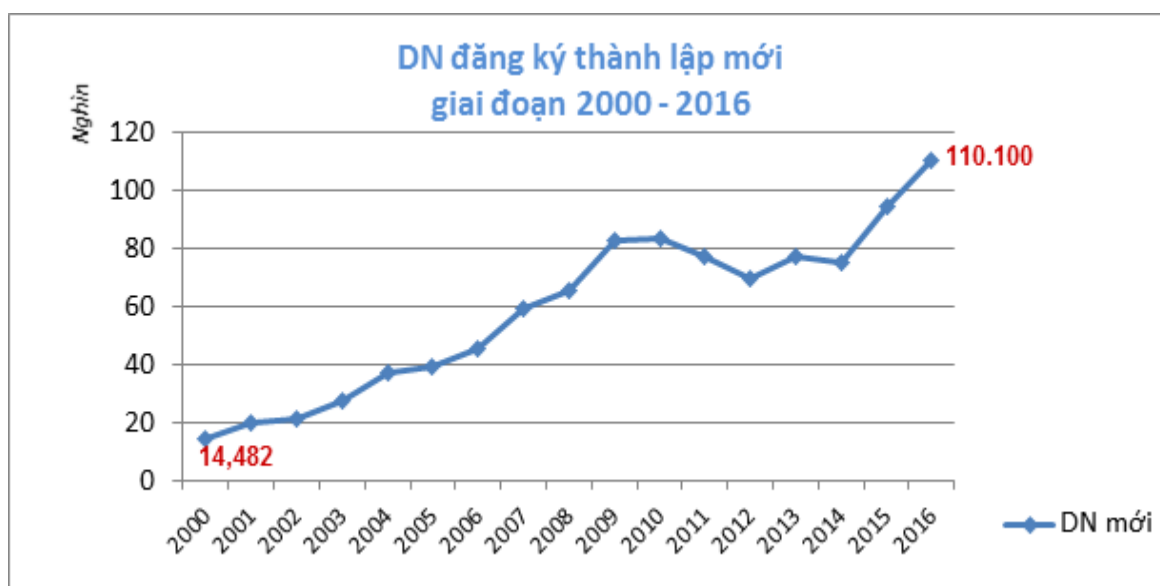
Bước 6: Nộp tờ khai thuế và khai thuế điện tử; làm thủ tục mua, đặt in, tự in hóa đơn theo thông tư 39/2014/TT-BTC hóa đơn chứng từ có hiệu lực từ 01/06/2014. Kể từ ngày 1/9/2014 các doanh nghiệp mới thành lập sẽ được đăng ký phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và được

đặt in hóa đơn GTGT sử dụng

Bước 7: Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

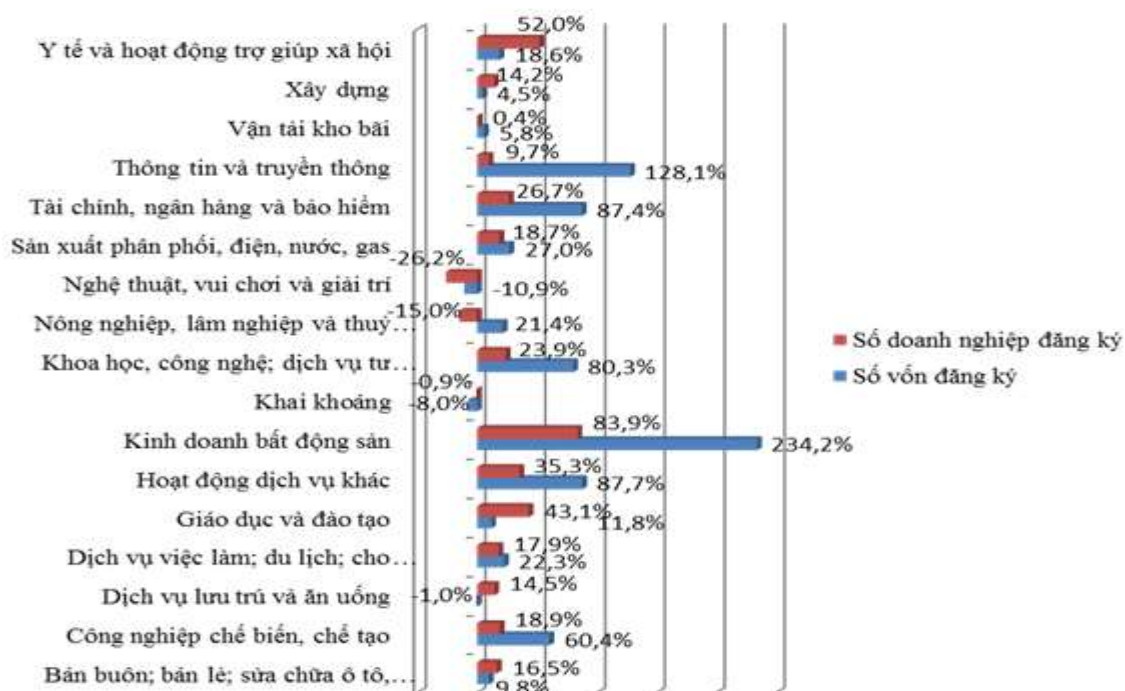
2.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về trình tự thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay

Số liệu thống kê trên Cổng thông tin đăng ký quốc gia cho thấy, năm 2016, cả nước có 110.100 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 891.094 tỷ đồng, tăng 16,2% về số lượng doanh nghiệp và tăng 48,1% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2015. Đây là số doanh nghiệp tăng cao kỷ lục từ trước đến nay và là lần đầu tiên nước ta có trên 100 nghìn doanh nghiệp thành lập trong một năm. Điều đó cho thấy tác động của các đạo luật mới về đầu tư, kinh doanh đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, hoạt động kinh doanh nói riêng; nó chứng minh rằng, hành lang pháp lý thông thoáng, giảm bớt các thủ tục ĐKKD đã thu hút nhà đầu tư tham gia vào thị trường kinh doanh. [13] Số liệu thống kê doanh nghiệp ĐKKD từ năm 2000 – 2016 được thể hiện qua Biểu đồ dưới đây thể hiện cụ thể:



Trong năm 2016 vừa qua, đa số các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đều có số doanh nghiệp thành lập mới tăng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Kinh doanh bất động sản đăng ký 3.126 doanh nghiệp, tăng 83,9%; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đăng ký 535 doanh nghiệp, tăng 52,0%; Giáo dục và đào tạo đăng ký 2.793 doanh nghiệp, tăng 43,1%; Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm đăng ký 1.185 doanh nghiệp, tăng 26,7%;... Chỉ có 03 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện là giảm đăng ký mới so với cùng kỳ năm 2015. Thể hiện thông qua biểu đồ:

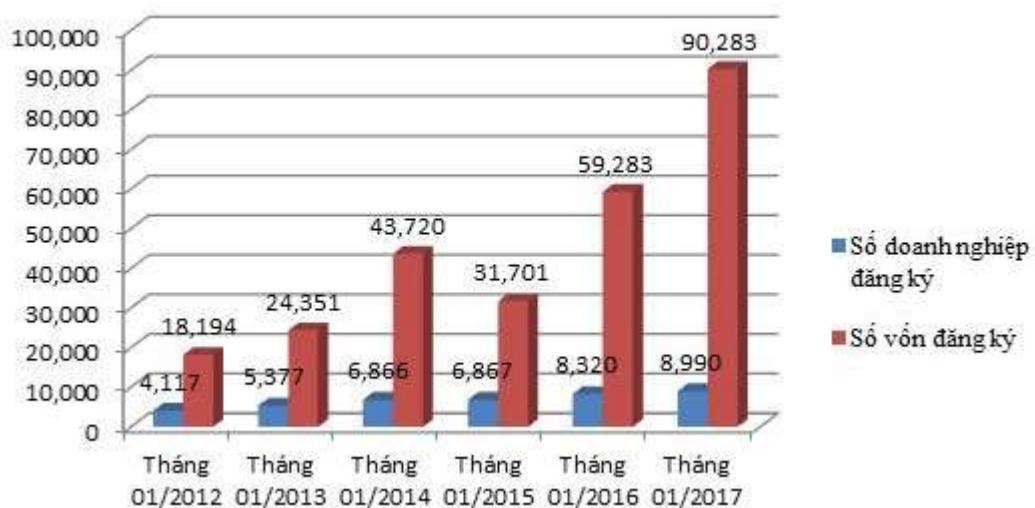


Trong tháng 01 năm 2017, cả nước có thêm 8.990 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 90.283 tỷ đồng, tăng 8,1% về số doanh nghiệp và tăng 52,3% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ (So sánh 2016/2015: doanh nghiệp tăng 21,2%; vốn tăng 87,01%). Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong tháng 01 đạt 10 tỷ đồng, tăng 40,9% so với cùng kỳ. Số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 01 là 104.062 lao động, giảm 16,1% so với cùng kỳ.

Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong tháng 01 năm 2017 là 204.919 tỷ đồng, bao gồm: [1] Tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp

đăng ký thành lập mới là 90.283 tỷ đồng và tổng số vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động là 114.636 tỷ đồng.

Biểu đồ dưới đây thể hiện rất rõ về tiến trình phát triển đăng ký cùng kỳ của các năm.



Tình hình đăng ký doanh nghiệp kể từ sau khi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành (01/7/2015) đã có những chuyển biến tích cực với số lượng doanh nghiệp gia nhập thị trường tăng đáng kể và số vốn tăng cao, đặc biệt là tăng cao trong tháng 01 năm 2017 với số doanh nghiệp là 8.990 doanh nghiệp và vốn đăng ký là 90.283 tỷ đồng

Những con số trên đã chứng minh được, pháp luật doanh nghiệp đã có nhiều chuyển biến tích cực, đáp ứng đòi hỏi khách quan hoạt động kinh doanh trong giai đoạn hiện nay, cụ thể:

Thứ nhất, các quy định pháp luật về thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ngày càng được hoàn thiện, quy định đầy đủ và chặt chẽ như thời gian, trình tự thủ tục...Điều kiện kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã được quy định tại nhiều văn bản khác nhau. Trong đó, trọng tâm nhất phải kể đến hai đạo luật cơ bản là Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư. Với việc Quốc hội đã thông qua Luật Doanh nghiệp

và Luật Đầu tư năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015) thì chế định này có nhiều điểm mới mang tính đột phá, đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định mới nhằm tháo gỡ những hạn chế, bất cập của luật cũ, tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó các văn bản mới ra đời thay thế cho văn bản cũ, đáp ứng các nhu cầu của doanh nghiệp. Việc quy định đầy đủ và cụ thể tạo điều kiện cho doanh nghiệp có hành lang pháp lý rõ ràng, thuận lợi kinh doanh các ngành, nghề có điều kiện.

Thứ hai, Nhà nước đã chú trọng hoàn thiện cơ sở pháp lý các yêu cầu đặc biệt đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. [9] Do đặc thù về tính chịu trách nhiệm hoặc liên quan đến chuyên môn của các lĩnh vực khác nhau mà luật đã quy định đối với những ngành, nghề kinh doanh đặc biệt phải gắn liền với các điều kiện tương ứng. Đối với các ngành, nghề yêu cầu phải có khả năng tài chính đáp ứng điều kiện kinh doanh thì chủ doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện về vốn do pháp luật quy định hay còn gọi là vốn pháp định. Đối với ngành, nghề kinh doanh liên quan đến chuyên môn, kỹ thuật buộc phải thông qua việc đào tạo đơn vị kinh doanh hoặc người chủ doanh nghiệp buộc phải có chuyên môn đào tạo và điều kiện hành nghề phù hợp thì ngành, nghề đó sẽ yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề...

Thứ ba, Hồ sơ và nội dung các thủ tục trong thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được giảm và đơn giản hóa hơn trước đây. Xuất phát từ đặc điểm ngành, nghề kinh doanh đem lại nhiều rủi ro cho doanh nghiệp, để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, cũng như yêu cầu giảm bớt các thủ tục rườm rà, nhà nước đã có chính sách đơn giản hóa đối với các thủ tục khi thành lập doanh nghiệp, trong đó có thủ tục thành lập doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề có điều kiện.

Thứ tư, quy trình thành lập doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện được thể hiện rõ ràng, minh bạch, công khai. Theo đó, tất cả các thông tin doanh

nghiệp từ ngành, nghề kinh doanh, mẫu con dấu, mã số thuế, tên doanh nghiệp, chủ sở hữu doanh nghiệp đều được công khai thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Chính hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sẽ là kênh thông tin chính thức cung cấp, công bố thông tin về địa vị pháp lý của tất cả các doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Điều này góp phần làm minh bạch hóa môi trường kinh doanh, tạo sự an toàn, tin cậy cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Với cách công khai thông tin của doanh nghiệp minh bạch như vậy sẽ tránh được sự chông chéo và gây hiểu nhầm về thương hiệu, mặt khác, doanh nghiệp có thể liên lạc trực tiếp với các cơ quan chủ quan, cơ quan thụ lý để được hướng dẫn thông tin đầy đủ và cập nhật nhất đối với các điều kiện kinh doanh.

Thứ năm, có thay đổi về cách tư duy tiếp cận trong quy định của luật. Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư mới đã quy định tách bạch giữa yêu cầu thành lập doanh nghiệp và yêu cầu về điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Luật Doanh nghiệp năm 2005 dành riêng một điều quy định về ngành, nghề và điều kiện kinh doanh (Điều 7). Theo đó, điều kiện kinh doanh được hiểu là yêu cầu mà doanh nghiệp phải có hoặc phải thực hiện khi kinh doanh ngành, nghề cụ thể, được thể hiện bằng giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, yêu cầu về vốn pháp định hoặc yêu cầu khác. Đối với ngành, nghề mà pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan quy định phải có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được thành lập và hoạt động kinh doanh ngành, nghề đó khi có đủ các điều kiện theo quy định. Có thể thấy, cùng với một số chế định khác quy định về đăng ký kinh doanh thì những quy định về điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện chưa có sự tách biệt rõ giữa yêu cầu thành lập doanh nghiệp và yêu cầu về điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có

điều kiện. Đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã yêu cầu phải có một số điều kiện như bản sao chứng chỉ hành nghề của người quản lý và xác nhận về vốn pháp định tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp... Quy định nói trên đã tỏ ra chưa hợp lý, ít có hiệu lực quản lý nhà nước, nhưng lại gây ra nhiều khó khăn, tốn kém không cần thiết cho nhà đầu tư và thành lập doanh nghiệp mới. Để khắc phục những hạn chế và bất cập đó, Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã bỏ hẳn Điều 7 của Luật Doanh nghiệp cũ. Việc phải đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được xem là một trong những nghĩa vụ của doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư về vấn đề này. Hơn nữa, doanh nghiệp phải đảm bảo duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh (khoản 1 Điều 8 Luật Doanh nghiệp năm 2014). [18] Bên cạnh đó, trong hồ sơ đăng ký, đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 đều bỏ hẳn các khoản yêu cầu văn bản xác nhận vốn pháp định đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định và chứng chỉ hành nghề của giám đốc hoặc tổng giám đốc và cá nhân khác đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề. Có thể thấy, Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã quy định tách bạch giữa yêu cầu thành lập doanh nghiệp và yêu cầu về điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Các điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư. Các nhà đầu tư sắp tới đây cứ tiến hành thành lập doanh nghiệp trước, chỉ khi nào kinh doanh những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì mới phải yêu cầu thỏa mãn các điều kiện kinh doanh. Chừng nào doanh nghiệp chưa cung cấp dịch vụ, hàng hóa trên thị trường thì chưa bắt buộc thỏa mãn các điều kiện kinh doanh đối với

những ngành, nghề tương ứng. Đây là tư duy lập pháp hoàn toàn mới và phù hợp với xu thế quốc tế.

Thứ sáu, đã có sự đổi mới căn bản trong việc xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy định điều kiện kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. [22] Chẳng hạn, tại Điều 7 Luật Đầu tư năm 2014, bên cạnh quy định mục tiêu của việc quản lý nhà nước đối với các hoạt động đầu tư kinh doanh những ngành, nghề có điều kiện (khoản 1) và danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (khoản 2) thì khoản 3 quy định rõ: “Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều này được quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không được ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh”. Quy định này đã hoàn toàn ngăn chặn việc các Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh một cách tùy tiện và chồng chéo. Chỉ có Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ mới có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định về vấn đề này hoặc các nội dung trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Thứ bảy, những điều kiện kinh doanh và số lượng ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của luật mới đã giảm rất nhiều. Theo quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư năm 2014, thì chỉ còn 267 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện (đã giảm bớt 119 ngành, nghề). Khi Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư mới có hiệu lực từ ngày 01/7/2015, những văn bản quy định về điều kiện kinh doanh và ngành, nghề kinh doanh có điều kiện không phù hợp sẽ không còn hiệu lực. Hơn nữa, các điều kiện kinh doanh, những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện sẽ được đăng tải trên Cổng thông tin

đăng ký doanh nghiệp quốc gia, những điều kiện không được đăng tải tại Cổng thông tin này sẽ không có hiệu lực. Quy định này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thành lập, hoạt động kinh doanh, minh bạch hóa môi trường kinh doanh. Có những ngành, nghề không nhất thiết phải là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, không cần thiết phải đưa vào danh mục này. Ví dụ: Kinh doanh dịch vụ việc làm, kinh doanh hàng miễn thuế, kinh doanh dịch vụ xoa bóp... Thời gian tới đây, với 410/456 đại biểu biểu quyết tán thành (83,16%), Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư. Quốc hội tán thành với việc bổ sung kinh doanh pháo nổ vào ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. Quốc hội cũng đồng ý thay thế phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện bằng phụ lục 4 mới với danh mục 243 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Điều này là một bước tiến khá ấn tượng trong các quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Tuy nhiên, một trong những vấn đề tồn tại đang gây nhiều bất cập cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài, đó là tình trạng các văn bản pháp luật được ban hành trước thời điểm Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Luật Đầu tư năm 2014 có hiệu lực vẫn chưa được điều chỉnh hoàn thiện để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với những cải cách của luật này. Ngoài ra, còn có những hạn chế khác về mặt nội dung, mà những quy định đó gây “vướng” cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, dẫn đến nhiều bất cập trong quá trình thực hiện trình, tự, thủ tục đăng ký kinh doanh với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Các quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã và đang bộc lộ những bất cập, vướng mắc cần phải khắc phục, sửa đổi.

Bên cạnh đó, việc ĐKKD vẫn cần phải thực hiện những trình tự, thủ tục, một số văn bản pháp luật được ban hành trước thời điểm Luật doanh nghiệp 2014, Luật đầu tư năm 2014 có hiệu lực. Những văn bản này vẫn chưa được

hoàn thiện, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với những cải cách của luật. Điều này đang gây nên sự chậm trễ, ách tắc và khiến các các doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư trong nước và nước ngoài lo ngại. Ví như, vướng mắc trong việc áp dụng Luật Đầu tư năm 2014 và các luật liên quan. Theo Luật Đầu tư năm 2014 đã cải cách mạnh thủ tục đầu tư theo hướng thay thủ tục thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với lĩnh vực đầu tư có điều kiện bằng thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không yêu cầu lấy ý kiến thẩm tra của các bộ, ngành. Cùng với đó, đầu mục hồ sơ đăng ký đầu tư được giảm thiểu đáng kể theo hướng không yêu cầu nhà đầu tư phải chuẩn bị các tài liệu như, giải trình kinh tế - kỹ thuật, giải trình đáp ứng điều kiện... để tạo thuận lợi và giảm thời gian, thủ tục cho nhà đầu tư. Nhưng trên thực tế, một số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trước thời điểm Luật Đầu tư năm 2014 có hiệu lực, vẫn yêu cầu thực hiện một số thủ tục khác trong quá trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Điều này dẫn đến xung đột giữa các văn bản quy phạm pháp luật, gây khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư và cơ quan đăng ký đầu tư. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường, năm 2014 quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Nếu nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước thời điểm quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là không phù hợp với thực tế triển khai dự án đầu tư vì tại thời điểm này, nhà đầu tư mới đề xuất địa điểm và chưa có dự án đầu tư được phê duyệt nên không có đủ căn cứ để lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Điều này tạo rủi ro rất lớn về chi phí đầu tư cho nhà đầu tư trong trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận vì những lý do không liên quan đến môi trường hoặc buộc phải thay đổi địa điểm thực hiện dự án.

Trong trường hợp khác, theo Điều 33 Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. Theo đó, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư bao gồm giải trình kinh tế - kỹ thuật; đề án tiền khả thi và tuân thủ theo Điều 34 Nghị định này, việc lấy ý kiến của các Bộ, Sở ngành có liên quan là một trong các thủ tục phải thực hiện để thẩm tra điều kiện cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Tương tự, theo Điều 5 Nghị định 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, theo đó, Cơ quan đăng ký đầu tư phải lấy ý kiến của Bộ Công Thương và chỉ cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan đến mua bán hàng hóa nếu được Bộ Công Thương chấp thuận bằng văn bản.

Có thể thấy, sự thiếu thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật đang là rào cản lớn, khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, gây rủi ro trong quá trình đăng ký cấp phép đầu tư, tạo tâm lý thiếu tin tưởng vào sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản luật pháp cũng như việc tuân thủ, triển khai thực hiện của các bộ, ngành và cơ quan quản lý nhà nước.

Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư. Mà theo đó, tại Điều 24 (28) của Nghị định này quy định cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư và thủ tục đăng ký doanh nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài rất tiến bộ, khi yêu cầu Sở Kế hoạch và đầu tư phải tiếp nhận một lần cả hai hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên cho đến nay, theo phản ánh của nhiều doanh nghiệp, hiện quy định “Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này và các thủ

tục khác có yêu cầu phối hợp giữa cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan đăng ký kinh doanh”, vẫn chưa được Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành hướng dẫn.

Biết rằng, để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, có những lĩnh vực mất từ sáu đến tám tháng hoặc hơn vì Sở Kế hoạch và đầu tư phải chờ kết quả thẩm định dự án của bộ chuyên ngành. Nếu bộ chuyên ngành chưa có ý kiến thì sở không thể cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Thêm nữa, nội dung văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận ĐKKD phải thống nhất với nhau hay trong đơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư phải có thông tin mã số Giấy chứng nhận ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp. Do vậy, sẽ không có thông tin điền vào Giấy chứng nhận ĐKKD khi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chưa được cấp hoặc khi phải điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì buộc phải điều chỉnh Giấy chứng nhận ĐKKD ục vẫn còn nhiều vướng mắc.

Thực tiễn triển khai pháp luật về kinh doanh từ lâu vẫn ghi nhận tình trạng rất đáng lo ngại là các cơ quan tự ý ban hành văn bản trái thẩm quyền, điều đó dẫn đến hệ lụy cản trở doanh nghiệp nói riêng và sự phát triển của ngành, nghề nói chung. Đặc biệt, nó thường kéo dài thời gian tiền đầu tư cũng như xung đột giữa các văn bản quy phạm pháp luật. [15] Từ đó, rút ra những bất cập, hạn chế trong quá trình thực hiện việc ĐKKD đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện như sau:

Trên thực tế vẫn chưa thật sự tạo điều kiện để người kinh doanh dễ dàng trong việc đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã có nhiều quy định trái với Điều 14 và [18] Điều 33 Hiến pháp năm 2013 và quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư năm 2014, từ những quy định này chúng ta đã hiểu, quyền tự do kinh doanh của người dân chỉ có thể bị hạn chế trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Điều này cho thấy, nhiều điều kiện kinh doanh được quy định không vì các lý do này và cũng không rõ lý do, mục đích quản lý nhà nước. Chính những bất cập được nêu tại Chương 2 sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho môi trường kinh doanh, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp, giết chết ý tưởng kinh doanh, làm giảm tính cạnh tranh trong kinh doanh, bóp méo cơ chế thị trường và xâm phạm quyền tự do kinh doanh. Vì thế, nhu cầu hoàn thiện pháp luật đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện là hết sức cần thiết và cấp bách.

Mặc dù, Luật doanh nghiệp của Việt Nam đã tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp đăng ký thủ tục thành lập doanh nghiệp. Nhưng lại quy định quá nhiều ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, trong đó, có những ngành, nghề không nhất thiết phải quy định là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Ví như: Trong số 267 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, có ngành, nghề "Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại" nhưng lại không có ngành, nghề "Hoạt động dịch vụ của tổ chức hòa giải thương mại", không có ngành, nghề kinh doanh vàng tài khoản (sàn vàng),... Bên cạnh đó một số ngành, nghề không thật sự cần thiết như "Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ". Hay có những ngành, nghề thật sự không rõ ràng như "Kinh doanh thực phẩm" nhưng lại bao gồm ba nhóm khác nhau "thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành" của ba bộ: Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Y tế, "Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn" theo quy định của Luật Khí tượng thủy văn năm 2015 và "Kinh doanh dược" theo Luật Dược năm 2016. Nếu càng nhiều ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, thì doanh nghiệp phải chuẩn bị các thủ tục để đáp ứng nhu cầu được cấp phép. Bởi lẽ, các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện yêu cầu người ĐKKD phải có giấy phép con, Chứng chỉ hành nghề, Vốn pháp định, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, ký quỹ, mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho hoạt động doanh

nghiệp...tạo thêm chi phí tốn kém cho doanh nghiệp (chi phí chính thức lẫn chi phí phi chính thức). Chi phí tính riêng cho việc cấp phép kinh doanh, Bộ Công thương có thẩm quyền cấp đến 68 Giấy phép kinh doanh các loại, con số này ở Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn là 58, ở Bộ giao thông vận tải là 31, Ngân hàng nhà nước là 30... (24) Hoặc đối với ngành, nghề kinh doanh có chứng chỉ hành nghề, đến thời điểm năm 2014 đã có 34 ngành, nghề; đối với ngành kinh doanh có điều kiện thể hiện dưới hình thức khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có đến 150 ngành, nghề (25). Thực tế nêu trên chứng tỏ, các ngành, nghề, nghề kinh doanh có điều kiện đang có sự hướng siết chặt gây khó khăn trong quá trình thành lập doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Muốn kinh doanh những ngành, nghề có điều kiện phải trải qua nhiều cơ quan để xin phép. Chính những điều này đã dẫn đến tốc độ cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp của Việt Nam còn chậm so với nhiều quốc gia trên thế giới.

Một là, ở nước ta, pháp luật quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện vẫn còn nhiều hạn chế, dẫn đến việc thực hiện các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục còn nhiều vướng mắc, nhiều quy định chung chung, thiếu tính cụ thể, chưa hợp lý với thực tiễn.

Hai là, có quá nhiều văn bản pháp luật quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện vì vậy vẫn chưa được tập trung, còn phân tán nhỏ lẻ, dẫn đến khó khăn trong việc tìm kiếm và hiểu rõ đối với doanh nghiệp.

Ba là, thiếu cơ chế giám sát trong ban hành điều kiện kinh doanh dẫn tới việc ban hành điều kiện kinh doanh tùy tiện, không có tính khoa học, không rõ mục đích quản lý nhà nước tạo gánh nặng tuân thủ quá mức cần thiết cho người dân và doanh nghiệp.

Bốn là, chưa có cơ chế công khai, minh bạch các quy định về điều kiện kinh doanh, làm giảm vai trò giám sát của cộng đồng, gây khó khăn cho

người dân và doanh nghiệp trong việc tuân thủ điều kiện kinh doanh.

Năm là, một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế về năng lực và phương thức quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện dẫn đến tâm lý không quản được thì cấm, bó hẹp quyền kinh doanh và đẩy gánh nặng về phía người dân, doanh nghiệp.

Sáu là, có sự buông lỏng về kỷ cương định ban hành văn bản bị buông lỏng, thực hiện sơ sài, chiếu lệ. Về vấn đề này, ngày 29/01/2015 Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 23/BC-BTP trong đó nêu rõ các văn bản của các cơ quan Bộ, ngành và địa phương quy định về điều kiện kinh doanh trái thẩm quyền.

Bảy là, Chủ thể thi hành pháp luật thiếu kiến thức trong quá trình thành lập và cận hành doanh nghiệp ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Tám là, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với từng loại hình doanh nghiệp, khi đăng ký thành lập sẽ được yêu cầu chi tiết thành phần hồ sơ, từ Điều 20 đến Điều 23 Luật Doanh nghiệp năm 2014. Ngày 14/9/2015 Chính phủ ban hành Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp, mà theo đó, tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định này, có quy định: “Cơ quan đăng ký kinh doanh không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp thêm hồ sơ hoặc giấy tờ khác ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định”. Tuy nhiên, theo Công văn số 2544/BXD-QLN ngày 19/11/2009 của Bộ Xây dựng, về việc thực hiện các quy định về quản lý nhà chung cư, gửi đến các Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; thành phố Hồ Chí Minh; thành phố Hải Phòng; thành phố Đà Nẵng; tỉnh Nghệ An và tỉnh Thanh Hóa, khi đăng ký trụ sở công ty tại một căn hộ nằm trong cao ốc phức hợp để ở và thương mại, Sở Kế hoạch và đầu tư buộc nhà đầu tư phải chứng minh quyền được dùng căn hộ để làm trụ sở công ty. Yêu cầu này được hiểu là căn cứ vào Công văn trên của Bộ Xây dựng không cho phép sử dụng nhà chung cư làm văn phòng công ty. Vấn đề đặt ra ở đây là Sở Kế hoạch và

đầu tư có quyền yêu cầu nhà đầu tư nộp hồ sơ chứng minh quyền được đặt trụ sở công ty tại căn hộ đã thuê không?

Chín là, những doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, khi đăng ký thành lập doanh nghiệp thì cần có giấy phép cho phép thành lập trước của các bộ chuyên ngành. Ví dụ lĩnh vực sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp; lĩnh vực thuốc chữa bệnh cho người do Bộ Y tế cấp; ... Vậy Sở Kế hoạch đầu tư có được quyền yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các giấy phép này ngoài thành phần hồ sơ đã ấn định trong Luật Doanh nghiệp năm 2014 không? Rõ ràng, nếu yêu cầu nộp thêm, Sở Kế hoạch và đầu tư đã vi phạm quy định của khoản 2 Điều 9 Nghị định 78/2015/NĐ-CP. Song nếu không yêu cầu thì Sở Kế hoạch và đầu tư lại vi phạm các quy định của luật chuyên ngành khác! Mặt khác, tại Điều 3 Luật Doanh nghiệp năm 2014 có quy định về Áp dụng Luật doanh nghiệp và các luật chuyên ngành, mà theo đó: “Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó.”. Nhưng hiện nay, hoạt động luật sư, công chứng, giám định, giáo dục và đào tạo, trọng tài thương mại,... cũng đã được xác định rõ là các ngành, nghề đầu tư kinh doanh theo Luật Đầu tư năm 2014. Tuy nhiên các ngành, nghề này lại không được đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh, mà chỉ được thực hiện việc cấp giấy phép và đăng ký hoạt động riêng theo Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012); Luật Công chứng năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật Giám định tư pháp năm 2012, Luật Giáo dục đại học năm 2012; Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), Luật Trọng tài thương mại năm 2010;... Hậu quả là nhiều tổ chức hành nghề luật sư, như công ty luật và pháp nhân khác hoạt động như một doanh nghiệp, nhưng lại hoàn toàn không có thông tin trên “Cơ sở dữ liệu

quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” theo quy định tại khoản 6 Điều 4 về Giải thích từ ngữ của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Đối với ngân hàng thương mại, công ty tài chính thì đăng ký doanh nghiệp như các doanh nghiệp khác, trong khi Công ty bảo hiểm, là một doanh nghiệp điển hình, thì lại không thực hiện thủ tục này. Vì theo Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), quy định: “Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.” Trong khi đó, hộ kinh doanh hay hợp tác xã, tuy không được xác định là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 hay Luật Hợp tác xã năm 2012, nhưng vẫn thực hiện việc đăng ký kinh doanh như đối với doanh nghiệp.

Không những thế, doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong quá trình thành lập doanh nghiệp do, ngay từ khâu đăng ký kinh doanh, nhà đầu tư đã vấp phải rào cản thủ tục mã hóa ngành, nghề dựa vào Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

Hiện quy định hệ thống mã số ngành căn cứ theo Quyết định 10/2007/QĐ-TTg ngày 23-1-2007 của Thủ tướng Chính phủ và Biểu cam kết thương mại dịch vụ của Việt Nam trong Tổ chức Thương mại Thế giới (“Cam kết WTO”). Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp tại điều 7.5 quy định đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh.

Tuy vậy, không ít nhà đầu tư gặp khó khăn nếu chọn kinh doanh những ngành, nghề không thuộc danh mục ban hành. Yêu cầu “mã hóa” ngành, nghề kinh doanh tương thích với hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam là một cản trở đối với doanh nghiệp khi mở rộng đầu tư theo nhu cầu của mình.

Nếu Luật doanh nghiệp đã ghi nhận quyền tự do kinh doanh trong những

ngành, nghề mà luật không cấm, việc quy định tương tự như yêu cầu đăng ký ngành, nghề tương thích với quy định Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam (áp dụng từ năm 2007) có lẽ không còn tương thích.

Kết luận Chương 2

Luật doanh nghiệp là một đạo luật có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Năm 1999 Luật doanh nghiệp ra đời, tiếp đó Luật doanh nghiệp sửa đổi 2005 đã là một bước đột phá trong việc tạo ra hành lang pháp lý thống nhất và bình đẳng, thúc đẩy đầu tư trong nước cũng như thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo nên một diện mạo, tầm vóc khác hẳn so với thời kỳ trước đó. Để tạo bước đi “mới”. Luật Doanh nghiệp năm 2014, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015 đã có nhiều chuyển biến tích cực, tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp hoạt động trong quá trình thực hiện trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp nói chung và những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nói riêng. Với điều kiện thuận lợi mà pháp luật cho phép hàng năm đã thu hút hàng ngàn doanh nghiệp đăng ký mới, tăng tỷ lệ vốn.

Nhưng khi nhìn vào bức tranh tổng thể của việc thực hiện áp dụng pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện vẫn còn nhiều bất cập hạn chế, cần sớm có phương hướng khắc phục. Những vấn đề này đã được tác giả nêu cụ thể tại Chương 2.

Theo đó, đã có nhiều bước hướng dẫn về hồ sơ, tình tự, thủ tục để thành lập một doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay. Nhìn chung so sánh với Luật doanh nghiệp cũ từ năm 1999, 2005 thì Luật doanh nghiệp 2014 đã có nhiều tiến bộ vượt trội về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp. Chính Luật doanh nghiệp 2014 đã tạo khá nhiều những mặt thuận lợi. Mặc dù vậy cũng Luật doanh nghiệp 2014 cũng có khá nhiều bất cập trong việc thực hiện áp dụng pháp luật về thành lập doanh nghiệp trong những

ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Điều bất cập thấy rõ nhất là việc yêu cầu phải có Chứng chỉ hành nghề, phải có vốn pháp định, giấy phép con (tức là, khi đăng ký thành lập doanh nghiệp thì cần có giấy phép cho phép thành lập trước của các bộ chuyên ngành). Chính những thủ tục hồ sơ này, đã làm cho doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc xin cấp phép đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Hơn thế nữa, cán bộ thực hiện công việc hướng dẫn, quy trình, hồ sơ, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện vẫn còn nhiều lúng túng, chưa giải thích rõ cho doanh nghiệp hiểu về “tiền kiểm” và “hậu kiểm” gây xung đột ý chí, làm giảm khả năng thu hút những doanh nghiệp muốn được thành lập ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Mặt khác, các quy định của Hiến pháp 2013, Luật doanh nghiệp đã thể hiện rõ về quyền tự do kinh doanh, cũng nêu, được kinh doanh những gì pháp luật không cấm. Những thực tiễn áp dụng lại gặp khó khăn ngay từ bước ban đầu khi phải chuẩn bị quá nhiều loại giấy tờ phù hợp để đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Thực tiễn, trong quá trình thực hiện việc thành lập doanh nghiệp của nước ta hiện nay, cho thấy vẫn còn nhiều bất cập so với các nước trên thế giới. Cụ thể là một số nước thành viên TTP. Mặt khác, nhiều văn bản áp dụng pháp luật chưa thống nhất và ban hành kịp thời điều này cũng làm các doanh nghiệp lúng túng khi chọn ngành, nghề đăng ký kinh doanh. Mặt khác, ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định 243 ngành, nghề là quá nhiều, chính điều này đã làm hạn chế việc đăng ký kinh doanh những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Cần sớm có những kiến nghị sửa đổi các quy định pháp luật doanh nghiệp để phù hợp với xu hướng chung của thế giới.

Như vậy, Luật doanh nghiệp tiếp tục được sửa đổi các quy định về trình tự thủ tục thành lập đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mang xu

hướng mở, tôn trọng sự tự do tối đa theo như Hiến pháp 2013 đã nêu, cá nhân, tổ chức có quyền tự do kinh doanh. Kinh doanh những gì mà pháp luật không cấm thì sẽ thu hút được số lượng thành lập tăng gấp nhiều lần con số so với cùng kỳ của các năm.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP TRONG CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

Để thực hiện hóa quyền tự do kinh doanh và đảm bảo một khía cạnh kinh tế quan trọng của nội dung quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp 2013, Quốc hội đã ban hành hai đạo luật điều chỉnh hoạt động đầu tư, kinh doanh là Luật Doanh nghiệp 2014 và Luật Đầu tư năm 2014. Hai đạo luật này đã góp phần tạo nên một hàng lang pháp lý thông thoáng để người dân thực hiện quyền tự do đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Trên tinh thần đó, Luật Doanh nghiệp 2014 và Luật Đầu tư năm 2014 đã có những qui định mang tính chất cải cách sâu rộng và có tính đột phá trên nhiều phương diện và nội dung khác nhau về trình tự, thủ tục gia nhập thị trường.

Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Vì vậy Luật doanh nghiệp cần khắc phục hạn chế của pháp luật doanh nghiệp được phân tích ở Chương 02. Theo Chương 2 của luận văn thì, các văn bản pháp luật ban hành vẫn chưa kịp với luật hiện hành, ràng buộc các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện phải tuân theo pháp luật chuyên ngành, phải đáp ứng vốn pháp định, Giấy phép con, Chứng chỉ hành nghề. Mặt khác, Bên cạnh đó một số ngành, nghề không thật sự cần thiết, không rõ ràng nằm trong danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. [28]

Với thời điểm hiện nay, đất nước ta đang trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, vì thế, nền kinh tế nước nhà cũng cần phải phát triển mạnh mẽ. Trong công cuộc phát triển nền kinh tế, doanh nghiệp đóng góp một phần không nhỏ. Chính vì thế, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đăng ký kinh doanh được nhanh, gọn sẽ là bài toán đầy sự gia nhập thị trường kinh doanh.

Thông qua quá trình áp dụng trên thực tiễn chúng ta cần có sự nghiên cứu một cách toàn diện, thấu đáo các luận cứ khoa học có liên quan để đánh giá. Để kịp đáp ứng nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp đang muốn tham gia vào thị trường kinh doanh. [26]

Thứ nhất, việc hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp xuất phát từ đòi hỏi nhu cầu về nghiệp vụ đăng ký kinh doanh đối người đăng ký kinh doanh và kể cả người hướng dẫn thủ tục ĐKKD những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, mặt khác nó cũng xuất phát từ nhu cầu phát triển thị trường.

Thứ hai, với đà phát triển kinh tế xã hội như hiện nay, không thể tồn đọng những bất cập liên quan đến trình tự, thủ tục thành lập trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện như hiện nay.

Thứ ba, việc các doanh nghiệp được phép ĐKKD thông qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia đã được triển khai toàn quốc và được các nhà kinh doanh hài lòng và đạt được những thành tựu nhất định. Vì vậy việc ứng dụng tin học hóa đang là nhu cầu cấp thiết;

Thứ tư, đứng trước nhu cầu của hội nhập và từng bước phù hợp với các thông lệ chuẩn mực quốc tế về đăng ký kinh doanh trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Thứ năm, phát triển đất nước để chính phủ quyết tâm xây dựng một đất nước giàu đẹp văn minh và hội nhập, hoàn thành các thể chế pháp luật. Trong đó là việc gỡ bỏ, xóa bỏ những rào cản pháp luật có quy định không rõ ràng

hoặc trùng lập về ý nghĩa; tăng cường kỷ cương, kỷ luật chính sách đối với các cơ quan nhà nước, cán bộ công chức trong phục vụ nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay

Hai đạo luật Doanh nghiệp Luật Đầu tư năm 2014 đã có hiệu lực thi hành, đem lại kết quả rõ rệt cho sự tăng trưởng về số lượng thành lập doanh nghiệp cho đến tỷ số vốn, cho thấy, nếu Nhà nước ta tiếp tục thực hiện cải cách pháp luật đối với doanh nghiệp mạnh dạn hơn, mang tính đột phá để hiện thực hóa thể chế về quyền tự do kinh doanh mà Hiến pháp năm 2013 đã quy định doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm thì sẽ thu hút được các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Mặt khác, muốn hội nhập quốc tế, bắt buộc Việt Nam phải có những cải cách về mặt thủ tục thành lập doanh nghiệp. Bởi lẽ, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế. Một thực tế hiện nay, Việt Nam đang trong là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới, Việt Nam đã tham gia hàng loạt các Hiệp định thương mại tự do với các nền kinh tế phát triển như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc... Trong các Hiệp định đã ký kết đều có những nội dung tạo điều kiện tốt cho các nhà đầu tư gia nhập thị trường Việt Nam. Chính vì vậy, cần tiếp tục đưa ra những phương hướng để các nhà đầu tư, cá nhân dễ dàng đăng ký kinh doanh những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Để hiện thực hóa những ý tưởng cải cách, Luật doanh nghiệp cần phải xây dựng các quy định nhằm hoàn thiện pháp luật về Thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, tránh tình trạng bất cập tại các văn bản, xóa bỏ những quy

định pháp luật đang làm rào cản trong quá trình thực hiện, trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp có điều kiện thì các doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện sẽ giảm.

Với phương hướng đề ra phù hợp với quy định của Hiến pháp về quyền tự do kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm mà chỉ bị hạn chế trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Dưới đây là một số phương hướng nhằm hoàn thiện pháp luật về tự do kinh doanh:

Một là, hoàn thiện pháp luật về thủ tục, trình tự đăng ký kinh doanh trong ngành, nghề có điều kiện phải quán triệt quan điểm của Đảng, nhà nước, đồng đều và thống nhất với tình hình phát triển của doanh nghiệp, định hướng phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nhằm mục đích xây dựng các quy phạm pháp luật phù hợp với sự phát triển của đất nước.

Hai là, hoàn thiện pháp luật về quy trình, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện cần kế thừa, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành, rà soát loại bỏ những quy định bất cập, lạc hậu, ngăn cản sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế. Đồng thời, không ngừng mở rộng hợp tác toàn diện quốc tế về các quy định của pháp luật trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư nước ngoài phát triển ở Việt Nam. Bên cạnh đó, bổ sung những quy định pháp luật về tự do kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho doanh nghiệp phát triển.

Ba là, hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp tổng những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo pháp luật Việt Nam hiện nay, trên cơ sở kế thừa, sửa đổi, bổ sung những quy định hiện hành.

Bốn là, tôn trọng quyền tự do kinh doanh và vai trò của điều kiện thành

lập doanh nghiệp, phải có bài toán đặt lợi ích cho nhà đầu tư, Phải có văn bản quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan đầu mối giải quyết thủ tục đầu tư có liên quan đến thẩm quyền giải quyết của nhiều Bộ, ngành, cơ quan liên quan; nguyên tắc liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện đồng thời các thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận địa điểm, cấp Giấy chứng nhận đầu tư, triển khai dự án đầu tư; đơn giản hóa trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư.

Năm là, sớm hoàn thiện pháp luật về trình, tự, thủ tục thành lập trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế.

3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay

Hoạt động đăng ký kinh doanh là một thủ tục pháp lý để doanh nghiệp gia nhập thị trường. Hiện nay, Việt Nam đang nỗ lực hướng tới một thủ tục đăng ký kinh doanh thông thoáng, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia thị trường nhanh chóng, đảm bảo quyền tự do kinh doanh của mọi chủ thể kinh doanh. Tuy nhiên, những quy định của pháp luật hiện hành về vấn đề này còn nhiều bất cập, tạo ra những rào cản, làm giảm mức độ gia nhập thị trường của các nhà đầu tư. Cần có những giải pháp để thực hiện tốt quy định về quyền tự do kinh doanh, ban hành điều kiện đầu tư kinh doanh theo Hiến pháp 2013 và Luật Đầu tư 2014. [2]

Giảm bớt một vài ngành, nghề kinh doanh có điều kiện không nhất thiết phải yêu cầu điều kiện đối với ngành, nghề đó, bỏ ngành, nghề đó trong danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Cụ thể ngành, nghề nên bỏ: Nghề không thật sự cần thiết như "Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi" "kinh doanh phân bón" "kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng".

Hợp nhất một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện không rõ ràng trong danh mục để giảm bớt điều kiện kinh doanh. Cụ thể: Hợp nhất những ngành: “Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú ý”, “kinh doanh thuốc thú ý, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú ý”, thành một ngành: “kinh doanh dịch vụ thú y”

Hay có những ngành, nghề thật sự không rõ ràng như "Kinh doanh thực phẩm" nhưng lại bao gồm ba nhóm khác nhau "thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành" của ba bộ: Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Y tế. Với nhiều Bộ ngành, quản lý thì nhà đầu tư phải đi xin nhiều loại giấy phép con theo pháp luật chuyên ngành.

Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư có hiệu lực từ ngày 1/1/2017. Nhưng vẫn còn nhiều bất cập, vẫn còn nhiều ngành, nghề cần tiếp tục loại bỏ, sửa đổi để phù hợp với sự phát triển thị trường hiện nay. Bởi lẽ, các ngành, nghề này, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp tổng những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Cần quy định những một số ngành, nghề thuộc nhóm ngân hàng, kinh doanh tiền tệ, kinh doanh vàng mới phải cần yêu cầu vốn pháp định. Những ngành, nghề khác không liên quan đến tiền tệ, thiết nghĩ nên xóa bỏ vốn pháp định. Trên thực các doanh nghiệp khi thành lập đã có vốn điều lệ.

Mặt khác, việc áp dụng Chứng chỉ hành nghề cho Giám đốc doanh nghiệp theo như pháp luật chuyên ngành của một số ngành là không phù hợp, cần sớm xóa bỏ việc áp dụng chứng chỉ hành nghề đối với người đứng đầu doanh nghiệp. Với lý do, họ là người quản lý doanh nghiệp, quản lý hoạt động và phát triển kinh tế, chưa hẳn họ là người tham gia thực hiện chuyên ngành.

Cần rút ngắn quy trình đăng ký thủ tục kinh doanh “tiền kiểm” và “hậu kiểm”. Với lý do, có nhiều doanh nghiệp họ chỉ chọn ngành, nghề kinh doanh

có điều kiện đó để thực hiện, áp dụng vào kinh doanh. Vì thế không nhất thiết phải đăng ký thành lập doanh nghiệp trước rồi mới được đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Như vậy, vô hình dung nhà đầu tư, tổ chức cá nhân muốn kinh doanh phải đi làm thủ tục hai lần mới được cấp phép cho ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Tức là, bỏ việc xin giấy phép con, nếu doanh nghiệp đó có nhu cầu kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện như đã xin phép. Cơ quan cấp phép chỉ việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện vào giấy phép kinh doanh.

Hiện nay, đã được phép đăng ký thủ tục thành lập doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia (tức đăng ký điện tử) đã là một bước tiến bộ. Ứng dụng này, khó truy cập và đăng ký thông qua điện thoại thông minh. Trong khi đó, xu hướng phát triển hiện nay, đang là thời kỳ công nghệ. Vì vậy, cần sớm có giải pháp tiếp cận dữ liệu thông minh qua ứng dụng công nghệ, nhằm nâng cấp các dịch vụ ĐKKD, giảm bớt thời gian làm thủ tục ĐKKD đối với các ngành, nghề nói chung và ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nói riêng.

Giảm bớt việc trải qua quá nhiều cơ quan để xin cấp phép cho ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Đơn cử hiện nay, việc cấp phép kinh doanh, Bộ Công thương có thẩm quyền cấp đến 68 Giấy phép kinh doanh các loại, con số này ở Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn là 58, ở Bộ giao thông vận tải là 31, Ngân hàng nhà nước là 30... Cần giảm bớt để không mất thời gian và tốn kém về mặt kinh phí khi đăng ký thành lập doanh nghiệp kinh doanh những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Chưa kể đến, trong quá trình xin cấp phép sẽ diễn ra nhiều tiêu cực.

Nếu chúng ta đặt ra giải pháp cho một đơn vị chuyên trách, chuyên thẩm định hồ sơ và có trách nhiệm trong quá trình xin, cấp phép và cho phép đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì sẽ giảm bớt quá trình đi

xin phép các cơ quan chuyên ngành, giảm quá trình thủ tục, quy trình khi xin cấp phép ĐKKD những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Theo đó, tạo được điều kiện tối đa người dân, nhà đầu tư muốn thành lập doanh nghiệp kinh doanh những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Mặc dù, Pháp luật Việt Nam luôn sửa đổi bổ sung để phù hợp với xu thế hội nhập. Nhưng chúng ta lại chưa rà soát và tiên lượng được sự phát triển kinh tế xã hội nước nhà ở mức xa hơn, bởi vì, theo thời gian, theo sự phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế, những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện sẽ không phù hợp với hiện tại, chưa kể đến các văn bản pháp luật sẽ lạc hậu, không bắt kịp với sự phát triển, vô tình làm ảnh hưởng đến cá, nhân, tổ chức muốn tham gia kinh doanh những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Chính vì thế cần phải mạnh dạn sửa đổi bổ sung theo sự phát triển của xã hội để phù hợp. Dưới đây là một số những giải hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện:

Một là, bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh trên cơ sở luật định bằng cách quy định cụ thể quyền này trong luật, nghị định, thông tư về lĩnh vực ngành, nghề, hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh một cách rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu.

Hai là, mở rộng phạm vi đối tượng điều chỉnh của pháp luật về đăng ký kinh doanh, nhằm tạo nên một “sân chơi rộng lớn” cho các chủ thể kinh doanh, để họ có thể dễ dàng lựa chọn loại hình kinh doanh phù hợp với khả năng và nguyện vọng của mình;

Bốn là, Ban hành hướng dẫn chung về thủ tục, trình tự thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

Năm là, cần siết chặt kỷ cương hành chính trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

phải nghiêm chỉnh thực hiện tinh thần tự do kinh doanh đã được hiến định, chấm dứt việc ban hành văn bản quy định điều kiện đầu tư kinh doanh trái thẩm quyền. Trong trường hợp thấy cần thiết phải quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, các cơ quan này phải báo cáo cấp có thẩm quyền (Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ) để có phương hướng ngăn chặn và khắc phục kịp thời những vi phạm.

Sáu là, cần rà soát, kiên quyết bãi bỏ các điều kiện không hợp lý, cản trở sức sáng tạo trong kinh doanh của doanh nghiệp, làm méo mó tính cạnh tranh của cơ chế thị trường, đồng thời ban hành văn bản quy định điều kiện đầu tư kinh doanh đúng thẩm quyền để thay thế các điều kiện do các bộ, ngành, địa phương ban hành trái thẩm quyền trước đây. Mặt khác, phải sớm giảm bớt các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện để tạo không ràng buộc về Vốn điều lệ, giấy phép con, chứng chỉ hành nghề.

Bảy là, thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính về điều kiện đầu tư kinh doanh; giảm bớt thủ tục bắt buộc phải cấp phép, phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước chuyển sang điều kiện đầu tư kinh doanh không cần sự cho phép, chấp thuận của cơ quan nhà nước; công bố công khai điều kiện để người dân, doanh nghiệp chủ động đáp ứng, tuân thủ điều kiện theo quy định, song song với việc tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện của doanh nghiệp.

Tám là, cần tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức cho người thi hành pháp luật và cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh ngành, nghề có điều kiện.

Chín là, đẩy mạnh hơn nữa hoạt động tuyên truyền pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Niêm yết công khai và hướng dẫn, phổ biến cho cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước hiểu rõ các quy định, lộ trình đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với những ngành,

ngành kinh doanh có điều kiện;

Mười là, rút ngắn thời gian thành lập doanh nghiệp, đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện từ 03 ngày xuống còn 02 ngày, giảm bớt các thủ tục về hồ sơ như vốn pháp định và Chứng chỉ hành nghề. Vì Chủ doanh nghiệp có thể thuê các chuyên gia chuyên ngành để thực hiện tham mưu, giải quyết được những công việc thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Kết luận Chương 3

Nội dung của chương 3 nêu lên nhu cầu hoàn thiện, đặt ra phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam hiện nay. Với nhu cầu thực tiễn, các tổ chức, cá nhân đang rất muốn gia nhập thị trường kinh doanh, để tự làm chủ, tự thể hiện năng lực.

Nhưng để được mở doanh nghiệp, họ phải thông qua quá trình, thủ tục thành lập doanh nghiệp. Trong khi đó, ngành, nghề kinh doanh có điều kiện lại đặt ra quá nhiều rào cản, nhiều bất cập, dẫn đến khó khăn trong việc thành lập doanh nghiệp.

Vậy làm thế nào, để thu hút các nhà đầu tư, thì cần sớm có những phương hướng, giải pháp để điều chỉnh những khó khăn, vướng mắc và bất cập của Luật doanh nghiệp nói chung và trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp nói riêng. Việc thực hiện tốt các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực ngành, nghề có điều kiện, từ đó, không còn trở ngại cho trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cũng hăng hái và thuận lợi hơn trong việc ĐKKD.

Tại Chương 3, tác giả đã nêu ra nhiều định hướng. Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh đến yếu tố con người, tức cán bộ làm công tác tiếp nhận và xử lý hồ sơ phải nhanh nhẹ, được đào tạo bài bản và nhạy bén trong giải quyết công

việc, tránh tình trạng sách nhiễu, mặt khác, phải hiểu biết pháp luật để tận tình hướng dẫn cho các chủ doanh nghiệp thực hiện đăng ký thủ tục những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Và giảm bớt các quy định về vốn, về sự ràng buộc của luật chuyên ngành, giảm bớt các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện để doanh nghiệp có cơ hội thực hiện và kinh doanh những ngành, nghề đó mà không phụ thuộc vào pháp luật chuyên ngành.

Chương này, cũng đưa ra nhiều giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện... Trong đó, chú trọng đến việc hợp nhất, xóa bỏ những văn bản pháp luật có nội dung gần giống nhau và xóa bỏ những văn bản đã không còn phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014. Khi chúng ta thực hiện tốt việc ban hành các văn bản, các thông tư hướng dẫn về trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp thì sẽ dễ dàng cho cả cơ quan thẩm định hồ sơ lẫn các nhà kinh doanh, bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh trên cơ sở luật định bằng cách quy định cụ thể quyền này trong luật, nghị định, thông tư về lĩnh vực ngành, nghề, hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh một cách rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, đồng thời, mở rộng phạm vi đối tượng điều chỉnh của pháp luật về đăng ký kinh doanh, nhằm tạo nên một “sân chơi rộng lớn” cho các chủ thể kinh doanh, để họ có thể dễ dàng lựa chọn loại hình kinh doanh phù hợp với khả năng và nguyện vọng của mình.

KẾT LUẬN

Việt Nam đang đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, với nội hàm quan trọng là phát huy các nguồn lực nhằm phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế. Thực tiễn sinh động đó đặt ra hàng loạt yêu cầu phải hoàn thiện pháp luật. Để phát triển số lượng doanh nghiệp lẫn chất lượng Việt Nam đã nỗ lực hướng tới một thủ tục đăng ký kinh doanh thông thoáng, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia thị trường nhanh chóng, đảm bảo quyền tự do kinh doanh của mọi chủ thể kinh doanh. Với một tư duy mạnh bạo của nhà làm luật, pháp luật về kinh doanh, doanh nghiệp đã trải qua nhiều lần chỉnh sửa, những bước tiến bộ nhất được ghi nhận bắt đầu từ luật doanh nghiệp năm 1999 rồi đến năm 2005 cho đến hiện nay là Luật doanh nghiệp 2014.

Với bước đột phá của Luật doanh nghiệp năm 1999 đã làm thay đổi bản chất của việc đăng ký kinh doanh từ “ xin phép được tiến hành kinh doanh” sang “ thông báo với các cơ quan có thẩm quyền về sự hiện hữu của doanh nghiệp”. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh đã được rút ngắn nhiều lần so với trước đây. Luật doanh nghiệp 2005, ra đời cùng với Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh đã đơn giản hóa nhiều về thủ tục đăng ký kinh doanh. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công an và Tài chính đã ban hành Thông tư 02/2007/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 27/02/2007- Thông tư 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29/8/2008 hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết ba thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và cấp Giấy phép khắc dấu theo hướng hợp lý hóa các khâu tổ chức thực hiện ba loại thủ tục này với cơ chế “ một cửa”, phối hợp liên thông giữa các cơ quan, giảm

thiếu thời gian giải quyết công việc, nhờ đó mà trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp được rút ngắn, không phải mất thời gian cũng như giảm bớt công đoạn đi liên hệ với nhiều ban ngành, các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì đã quy định rõ, các doanh nghiệp chỉ việc thực hiện đăng ký theo trình tự hướng dẫn được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia.

Luật doanh nghiệp 2014 là một bước đi “mới” tạo thuận lợi nhiều mặt cho việc thực hiện các trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh dẫn đến, thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới cho các loại hình doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh); đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được rút ngắn từ 05 ngày làm việc xuống còn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Bên cạnh đó, Luật doanh nghiệp 2014 quy định, tại thời điểm thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp không phải ghi các ngành, nghề kinh doanh vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Chỉ có những doanh nghiệp đăng ký kinh doanh theo ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì mới thực hiện các thủ tục như Giấy phép con, Chứng chỉ hành nghề, Vốn Pháp định. Những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định rõ tại Phụ lục 4 Luật đầu tư 2014, gồm 267 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Mới đây Luật Sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư của Quốc hội, số 03/2016/QH14, số lượng ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã giảm từ 267 ngành, nghề xuống còn 243 ngành, nghề, bao gồm một số ngành, nghề mới như: kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị; kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ; sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô; hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản; sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG); kiểm toán năng lượng; kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành

cơ sở hỏa táng... Trong đó, quy định về các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện gồm: kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị; Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 01/07/2017.

Một nội dung đáng chú ý khác là quy định bổ sung các hoạt động đầu tư kinh doanh bị cấm. Theo đó, từ ngày 01/01/2017, ngoài các hoạt động theo quy định hiện hành như kinh doanh mại dâm; mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người; hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người..., hoạt động đầu tư kinh doanh bị cấm còn bao gồm hoạt động kinh doanh pháo nổ. Mặc dù đã giảm từ 267 ngành, nghề xuống còn 243 ngành, nghề, những số lượng ngành, nghề kinh doanh có điều kiện này vẫn còn khá nhiều. Chính những vì thế, đã nảy sinh những bất cập hạn chế cần được khắc phục để phù hợp với Hiến pháp năm 2013 về tự do kinh doanh và Luật doanh nghiệp 2014 về kinh doanh những gì mà pháp luật không cấm. Chưa kể đến, còn nhiều văn bản đã cũ những chưa được thay thế văn bản mới để phù hợp với Luật. Trong giới hạn luận văn, trên cơ sở nghiên cứu lý luận, đánh giá thực trạng các quy phạm pháp luật về trình tự, thủ tục trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, tác giả mạnh dạn đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Theo đó, cần hoàn thiện các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà trọng tâm là quy định rõ ràng, chặt chẽ các quy phạm hơn, bãi bỏ, sửa đổi, hợp nhất, bổ sung các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quy định rõ ràng hành lang pháp lý đằng sau ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; rà soát làm rõ các khái niệm, thuật ngữ, định nghĩa rõ ràng các khái niệm, quy định bản chất của ngành, nghề; cần khẩn trương xây dựng quy chế ban hành, giám sát việc ban hành điều kiện đầu tư kinh doanh...

Đồng thời, cần nâng cao hiệu quả của việc áp dụng các trình tự, thủ tục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, siết chặt kỷ cương hành chính trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; rà soát, kiên quyết bãi bỏ các điều kiện không hợp lý, cản trở sức sáng tạo trong kinh doanh của doanh nghiệp; thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính về điều kiện đầu tư kinh doanh; giảm bớt thủ tục bắt buộc phải cấp phép, công bố công khai điều kiện để người doanh nghiệp giảm bớt thủ tục.

Để giải quyết hồ sơ được nhanh gọn, thì cũng cần tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức cho người thi hành pháp luật và cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; không ngừng đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện làm tốt những khuyến nghị này sẽ góp phần hoàn thiện pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và nâng cao hiệu quả của việc áp dụng pháp luật vào thực tiễn doanh nghiệp. Trong đó có nghiên cứu sâu sắc, bài bản điều kiện kinh doanh của các nước hợp tác làm ăn với Việt Nam, từ đó, nâng cao khả năng dự báo của pháp luật, bảo đảm khả năng hội nhập một cách chủ động, phát huy lợi thế, nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong xu hướng tự do hóa thương mại, đầu tư, bảo đảm sự ổn định của pháp luật về kinh doanh có điều kiện, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Bởi lẽ, đối với các nước trên thế giới như đã nêu trên họ đã tinh giảm trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp. Trong khi đó, Việt Nam chúng ta cũng đã là nước gia nhập nhiều tổ chức thế giới, và có nhiều Hiệp định song phương với các nước.

Để có tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp khi đăng ký kinh doanh những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, thiết nghĩ, nhà nước tạo điều kiện thuận lợi phát triển các dịch vụ trợ giúp pháp lý đối với các ngành, nghề

kinh doanh có điều kiện, nhằm hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp, bảo đảm cho sự phát triển đúng đắn cho doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề có điều kiện, đặc biệt là những ngành, nghề nhạy cảm. Trước mắt cần có bộ phận chuyên trách về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện để kịp thời hướng dẫn, giải quyết, xử lý các vấn đề đặt ra trong thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp cũng như phát triển xử lý nhanh hơn, hiệu quả hơn các tình huống phát triển liên quan. Từ đó, các doanh nghiệp được tiếp cận nhanh hơn, hiểu rõ hơn về những quy định pháp luật về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Với tiêu chí của luận văn đã tìm ra những điểm còn bất cập mà luật doanh nghiệp quy định về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp trong những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và đã hướng tới những giải pháp hoàn thiện góp phần xây dựng các văn bản pháp luật, từ đó, doanh nghiệp cũng dễ dàng tiếp cận và dễ dàng trong việc thực hiện các trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ kế hoạch đầu tư (2016), *Số liệu thống kê về đăng ký doanh nghiệp*, đăng trên trang <http://doimoidoanhnghiep.chinhphu.vn>.
2. Bộ kế hoạch đầu tư (2015), *Hướng dẫn áp dụng quy định về đăng ký doanh nghiệp để đảm bảo thực hiện Luật Doanh nghiệp năm 2014*, Công văn số 4211/BKHĐT-ĐKKD ngày 26/6/2015.
3. Chính phủ (2010), *Đăng ký kinh doanh nghiệp*, Nghị định 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010.
4. Chính phủ (2015), *Đăng ký doanh nghiệp*, Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015.
5. Chính phủ (2016), *Những nhiệm vụ, giải pháp cải tạo môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016- 2017, định hướng đến năm 2010*, Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016.
6. Cộng hòa Liên bang Nga (2005), *Luật đăng ký pháp nhân và thể nhân kinh doanh*, Điều 8.
7. Chính phủ (2016), *Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp triển doanh nghiệp*, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/05/2016.
8. Công ty luật Phamlaw (2016), *Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo luật doanh nghiệp của Việt Nam*, đăng trên phamlaw.com.
9. Hà Hùng Cường (2009), “Hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp* (số18) tr.139 – 140;
10. Phạm Thị Hồng Đào (2014), “Một số hạn chế của luật doanh nghiệp và luật đầu tư”, *Tạp chí Luật học*, (số 5), tr. 5-9;
11. Trương Thanh Đức (2016), “Hoàn thiện pháp luật, thúc đẩy hoạt động đầu tư kinh doanh”, *Báo nhân dân số* (8), tr. 5;

11. Luật Dương Gia (2015), *Về Ngành, nghề kinh doanh có vốn pháp định*, đăng trên <https://luatduonggia.vn>;
12. Nguyễn Thị Thu Hà (2016), *Đăng ký doanh nghiệp*, đăng trên <http://chinhphu.vn>.
13. Nguyễn Thị Thu Hà (2017), *Tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng một năm 2017*, đăng trên Cổng thông tin đăng ký kinh doanh quốc gia.
14. Nguyễn Thị Thu Hà (2017), *Số liệu thống kê đăng ký doanh nghiệp năm 2016*, đăng trên Cổng thông tin đăng ký kinh doanh quốc gia;
15. Kim Ngọc Thanh Nga (2015), *Diễn đàn đăng ký kinh doanh thế giới 2015- Từ thực tiễn quốc tế đến bài học Việt Nam*, dangkykinhdoanh.gov.vn;
16. Trần Huỳnh Thanh Nghị (2015), “Cải thiện môi trường thứ hạng kinh doanh của Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, (số 4), tr. 5-8;
17. Quốc hội (1999), *Luật doanh nghiệp, những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện yêu cầu vốn pháp định*.
18. Quốc hội (2005), *Luật doanh nghiệp, những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện*.
19. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
20. Quốc hội (2014), *Luật đầu tư năm 2014*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
21. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp, Điều 29 nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*.
22. Quốc hội (2014), *Luật đầu tư, khoản 1 Điều 7 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện*.
23. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp, Điều 27 trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp*.
24. Quốc hội (2017), *Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện của luật đầu tư, Luật sửa đổi bổ sung Điều 6 Phụ lục 4*.

25. Nguyễn Thị Thu Thủy (2015), “Hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*.
26. Lê Thị Bích Trâm (2016), *Về Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thủ tục đăng ký kinh doanh*, đăng trên <http://www.thesaigontimes.vn>.
27. Mai Thị Tuyết (2006), *Về Ngành, nghề kinh doanh có vốn pháp định*, đăng tại <https://Luật Dương Gia. Vn>.
28. Lê Danh Vĩnh (2009), *Về Hoàn thiện thể chế về môi trường kinh doanh của Việt Nam*, XNB. Chính trị Quốc gia Hà Nội.
29. Nguyễn Thị Yến (2000), “Về Một vài kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp”, *Tạp chí Luật học*, (số 9), tr.15-20.
30. www.luanvan.com
31. www.toaan.gov.vn
32. www.danang.gov.vn
33. www.uef.edu.vn
34. www.hutech.edu.vn